



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Directeur de publication: Phạm Ngọc Lân

Vấn Đề Trong Tháng

Hội nghị Madrid mở đầu tiến trình hòa bình tại Cận Đông

Tại thủ đô Tây Ban Nha, nơi mà hơn mười thế kỷ trước đây Hồi Giáo và Do Thái Giáo đã sống chung hài hòa trong hơn 700 năm, lần đầu tiên các đại biểu Do Thái, Palestine, Jordan, Lebanon và Ai Cập, những kẻ thù truyền kiếp tưởng chừng như không thể đội trời chung với nhau, đã chấp nhận gặp nhau để tìm một phương thức sống chung hòa bình.

Thế giới chào mừng Hội Nghị Madrid như là một biến cố lịch sử trọng đại.

Hoa Kỳ, và đặc biệt là ngoại trưởng James Baker, đang được ca ngợi vì những nỗ lực mà họ đã làm để đạt tới thành tựu này.

Sau hội nghị khoáng đại, phái đoàn Do Thái đã gặp riêng từng phái đoàn của mỗi quốc gia Ả Rập để giải quyết những vấn đề song phương. Chưa có thỏa hiệp nào được đạt tới cả, kể cả ngày giờ và địa điểm cho những cuộc gặp gỡ sau này. Nhưng điều quan trọng là đã có đối thoại - dù là đối thoại gay gắt như trong cuộc gặp gỡ giữa Do Thái và Syria - và nguyên tắc đối thoại không bị đặt lại.

Con đường đi đến hòa bình dĩ nhiên là còn rất nhiều chông gai.

Vùng đất Palestine đã tích lũy quá nhiều hận thù và xung đột. Là một ốc đảo phi nhiều một cách phi thường giữa sa mạc cằn cỗi, không có gì đáng ngạc nhiên khi Palestine trở thành đối tượng của nhiều tranh chấp khốc liệt. Nhưng với thời gian, lý do kinh tế đã nhường chỗ cho những đam mê tôn giáo. Người Ả Rập coi Palestine là quê hương tự nhiên của họ, trong khi đối với người Do Thái, đó là vùng đất mà Thượng Đế đã hứa cho họ. Sự thành lập quốc gia Do Thái năm 1948 xảy ra vào giữa lúc mà sau họa diệt chủng của Hitler, người Do Thái hơn lúc nào hết quyết tâm xây dựng một quốc gia bằng mọi giá. Thời điểm này cũng đúng là lúc mà người Palestine đang nao nức giành lại chủ quyền từ tay người Anh. Cuộc tranh chấp đã xảy ra ngay tức khắc và một cách đẫm máu giữa người Hồi Giáo và người Do Thái. Cả hai bên đều tự cho là mình có quyền thiêng liêng và tuyệt đối trên cùng một vùng đất. Vừa tranh chấp đất đai và quyền lợi lại vừa xung đột chủng tộc và tôn giáo, tính hiếu thắng của đôi bên lại đi song song với sự sợ hãi đối phương. Ngày nay hình như viên gạch nào của thành phố Jerusalem cũng mang một cùi hận, hạt cát nào của vùng

Trong số này

1. Vấn đề trong tháng: *Hội nghị Madrid mở đầu tiến trình hòa bình tại Cận Đông*
3. Tham luận: *Gốc rễ của lịch sử. Nguyễn Hữu Liêm*
6. Mạn đàm: *Quy đạo của chó. Nguyễn Gia Kiểng*
8. *Doãn Quốc Sỹ, Dương Thu Hương được trả tự do, Nguyễn Đan Quế bị đem xử. Vũ Thiện Hân*
9. Chính trị quốc tế: *Bài học dân chủ Ba Lan. Huỳnh Hùng*
10. *Vài suy nghĩ về một sự thất vọng. Phạm Ngọc Lân*
11. *Theo vết xe đổ. Nguyễn Văn Huy*
12. *Nói chuyện với Nguyễn Hồi Thủ*
14. *Co cụm. Phù Du*
15. *Đọc báo trong nước: Thực trạng của ngành thanh tra*
16. *Thời sự - Tin tức*
23. *Đọc giả viết*
24. *Sổ tay: Bài hát giống chúng ta. Đặng Tiến*

Palestine cũng là một đăm mê. Thảm kịch của vùng đất này là những con người bắt buộc phải sống chung với nhau đã không chấp nhận lẫn nhau.

Chiến tranh lạnh đã đổ thêm dầu vào lửa. Liên Xô đã khai thác sự thù hận của người Ả Rập để nhảy vào một vùng đầy tài nguyên mà trước đó họ chưa có chỗ đứng. Hoa Kỳ và các nước Tây Âu, dù không muốn khiêu khích khối Ả Rập cũng vẫn bị bắt buộc phải hỗ trợ Do Thái do áp lực của cộng đồng người Do Thái hiện diện một cách hùng hậu trong mọi địa hạt chính trị, văn hóa, kinh tế, khoa học tại hầu hết mọi nước tiên tiến. Liên Xô đã thổi phồng và nuôi dưỡng cuộc xung đột Do Thái - Ả Rập, cho nên khi khối cộng sản sụp đổ và Liên Bang Xô Viết tan rã thì một giải pháp hòa bình bắt đầu có thể tìm được. Hơn nữa, thời gian cũng đã đem đến nhiều bài học cho cả đôi bên.

Một mặt, các nước Ả Rập đã thấy rõ là họ không thể đánh bại được Do Thái. Giờ đây, khi mất nguồn tiếp liệu vũ khí từ Liên Xô, họ càng nản lòng trước quân lực hùng hậu của Do Thái, được trang bị cả vũ khí hạt nhân. Họ đã thấy cần phải thương lượng để có thể lấy lại, ít nhất là một phần, những đất đai đã mất về tay Do Thái. Riêng người Palestine, sau khi bị thảm sát tại Jordan, bị đánh đuổi khỏi Lebanon, và mới vừa bị bách hại tại Kuwait đã hết tin tưởng ở tình nghĩa anh em Hồi Giáo.

Mặt khác, quốc gia Do Thái cũng đã nhận thấy mặt trái của những chiến thắng. Họ đã thấy cảm tình mà thế giới dành cho một Do Thái nhỏ bé và bị cô lập giữa một khối Ả Rập hằn học đang tan biến đi nhường chỗ cho một sự bực bội trước một quốc gia lúc nào cũng sẵn sàng dùng bạo lực. Dư luận thế giới càng ngày càng không hiểu tại sao người Do Thái, sau những đau khổ ghê gớm, biết đòi cho mình một quốc gia mà lại khăng khăng phủ nhận quyền có một quốc gia của người Palestine.

Giải pháp hòa bình không những có, mà còn hiển nhiên: một quốc gia Palestine phải được thành lập, có thể là trong khuôn khổ một liên bang Jordan - Palestine, với sự thấu hiểu vùng tây ngạn sông Jordan và giải Gaza; thành phố Jerusalem phải có một qui chế đặc biệt để trở thành trung tâm tôn giáo của cả người Do Thái lẫn người Ả Rập; cao nguyên Golan sẽ phải là một khu vực phi quân sự và tự quản về hành chính dưới sự giám sát của Do Thái, Syria và Liên Hiệp Quốc; Do Thái phải rút khỏi miền nam Lebanon với sự thành lập một khu phi quân sự cho người Thiên Chúa Giáo tại đây. Giải pháp có và mỗi bên đều nhìn thấy, nhưng cái khó là phải tiến lại gần nhau từ những vị trí rất xa nhau do quá khứ thù hận để lại.

Điều chắc chắn là "tinh thần Madrid" sẽ tiếp tục. Hòa bình tuy chưa đạt tới nhưng viễn ảnh chiến tranh đã bị đẩy xa. Và người ta đã có thể bắt đầu làm một tổng kết tạm thời của cuộc xung đột Cận Đông, đồng thời rút ra những kết

luận.

Ngoài nhận định hiển nhiên, và quan trọng nhất, là kỹ nguyên của xung đột vũ trang đã qua, nhường chỗ cho kỹ nguyên của thương thuyết và thỏa hiệp, người ta còn có thể rút ra bài học là sự quá khích và bạo lực chỉ đem đến thiệt hại và đổ vỡ.

Quốc gia Do Thái, nếu chọn con đường thỏa hiệp ngay khi những cuộc nổi dậy trong các vùng bị chiếm đóng bùng lên, có lẽ đã chiếm được cảm tình và sự hỗ trợ của cả thế giới. Nhưng họ đã kéo dài chính sách cứng rắn thêm bốn năm nữa, và rồi cuối cùng đã bị bắt buộc phải thương thuyết, sau khi đã mất đi phần lớn thiện cảm của thế giới, chỗ dựa chính của họ.

Ngược lại người Ả Rập sau một phần tư thế kỷ theo đuổi những đòi hỏi quá đáng, ngày hôm nay chỉ còn hy vọng đạt được một nửa những gì mà Do Thái sẵn sàng nhượng bộ họ năm 1967. Sự quá khích cũng đã khiến người Ả Rập tàn sát lẫn nhau và tạo cơ hội cho những nhà độc tài mị dân lên cầm quyền, lãng phí tài nguyên quốc gia vào những ý đồ chiến tranh, kèm giữ người Ả Rập trong tình trạng thiếu mở mang và đưa họ từ thất bại này tới thất bại khác.

Trường hợp người Palestine đáng cho người Việt Nam hải ngoại suy nghĩ.

Họ đã chịu một số phận hẩm hiu, đã bị khủng bố và xua đuổi khỏi quê hương mình. Khát vọng trở về quê cha đất tổ là điều không gì chính đáng hơn. Nhưng họ đã thiếu sáng suốt và một phần nào đó đã đóng góp vào sự đau khổ của chính mình. Người Palestine có thừa sự dũng cảm và quyết tâm. Nhưng tính cực đoan và sự bất dung đã đưa họ đến thảm bại. Người Palestine nào cũng quyết tâm đánh bại Do Thái, nhưng người Palestine nào cũng sẵn sàng lên án những người Palestine khác là tiếp tay cho Do Thái, là phản bội "lý tưởng Palestine". Và họ lúc nào cũng sẵn sàng dùng bạo lực để tàn sát lẫn nhau. Vô số các nhóm kháng chiến lưu vong Palestine được thành lập và nhóm nào cũng tự coi là chỉ có mình là có lý. Tất cả đều làm tất cả để được xuất hiện như lực lượng chống Do Thái kịch liệt nhất. Họ thỏa hiệp với nhau, rồi trở mặt tàn sát nhau, rồi liên kết với đối thủ cũ để thanh toán một kẻ thù mới. Cuối cùng bạo lực đã làm họ phá sản. Mía mai thay, hy vọng của người Palestine lại đến từ những vùng đất bị chiếm đóng, từ những người Palestine không có phương tiện để sử dụng bạo lực.

Người Việt Nam hải ngoại, cho tới một ngày gần đây, hình như cũng có một tâm lý tương tự như người Palestine lưu vong. Chúng ta cũng quá khích, cũng sẵn sàng chụm mũ nhau, lên án nhau, tiêu diệt nhau. May thay, đã không có ai cung cấp phương tiện cho chúng ta để giết nhau.

Thông Luận

Gốc rễ của lịch sử mới

Nguyễn Hữu Liêm

Nguyễn Hữu Liêm, 36 tuổi, luật sư, hiện hành nghề tại San José. Đã xuất bản một biên khảo tựa đề "Dân Chủ Pháp Trị: luật pháp, công lý, tự do và trật tự xã hội".

I. Từ trong kẻ hở của núi đá...

Leszek Kolakowski, triết gia hàng đầu trong lịch sử cận đại Ba Lan, là người khai sáng nền tảng tranh đấu trí thức trong bối cảnh và điều kiện khó khăn của chủ nghĩa cộng sản. Trong một luận đề viết vào đầu thập niên 1960 mang tựa đề *The Priest And The Jester (Mục Sư Và Chàng Hề)*, Kolakowski nhấn mạnh đến ý thức về hiện hữu và những tranh chấp căn bản giữa cá nhân và lịch sử. Mỗi chúng ta, theo Kolakowski, đều có một phạm trù giá trị vượt qua khỏi những gì thường nhật và tạm thời của chính trị. Cái nhìn của ông là một viễn kiến bi quan mà trong đó con người không thoát nổi những thảm họa mà chính sự hiện hữu của chúng ta và xã hội vốn đầy bất công và khổ đau.

Theo Kolakowski thì triết gia của thế kỷ 20 này vẫn chưa thoát khỏi cái vòng lưới của những vấn nạn đặt ra và đã từng xâu xé những triết gia và thần học gia ở các thời đại trước. Những câu hỏi chưa được trả lời vẫn chùng đó. Liệu những lý tưởng và khát vọng đạo đức của nhân loại có thể được hiện thực hóa? Lịch sử có đang chuyển hóa về chân trời của bình đẳng và công lý cho mọi người?

Từ những câu hỏi này, Kolakowski quan niệm rằng những suy tư về lịch sử bắt nguồn từ sự thất vọng về hiện tại. Khi bị bao vây bởi giới hạn, và từ những thao thức không ngừng của đời sống tâm linh, con người nhìn ra cửa sổ của cuộc đời, tuyển chọn quá khứ, hiện tại, hình dung ra tương lai, tưởng tượng tất cả như có một sự chuyển động có trước, có sau và gọi đó là lịch sử. Từ đó, ý thức về "sự định" nảy sinh. Kolakowski nhắc lại chủ thuyết căn bản của *Council of Trent*: Những tác động đồng hiệp với ý chí bất biến của lịch sử (historical absolute) nằm trong phạm trù quy định bởi bất biến tính đó. Con người, vì thế, có khả năng, với ý thức đúng, nắm được chuyển động của bất biến trong lịch sử, biến cải hoàn cảnh và môi trường thành bàn đạp để tiến đến chân trời cứu rỗi. Từ đây, động cơ hiện hữu với gốc rễ thần học đã biến thành biện minh chính trị. Nhân loại bắt đầu thử nghiệm về triết học lịch sử. Và chúng ta có G.W.F. Hegel.

Theo Kolakowski thì Hegel là một mục sư, cổ võ cho một tuyệt đối luận về lịch sử. Một lịch sử có vóc dáng của thần học: lịch sử là một chủ đề với những tác động có mục đích. Trong

khí đó, phía còn lại của triết học Tây Phương là của những "jesters" - mang hy vọng và cứu cánh của hiện hữu trong giới hạn của trí thức và khả thể của đời sống. Hai khuynh hướng triết học này biểu hiện cái mâu thuẫn căn bản trong đời sống tâm linh của nhân loại trước nhu cầu thường nhật của đời sống vật chất. Có phải gánh nặng hiện hữu của tôi đang được gánh vác cho mục đích tối hậu và cao cả? Hay hiện hữu của tôi chỉ có giá trị tối hậu giữa sinh và tử, không đứng trên một nền tảng bất biến nào và khi tôi chết sẽ không còn gì cả?

Kolakowski tự cho mình là một "jester", "đi giữa xã hội mà không tùy thuộc, coi thường cuộc đời, đặt câu hỏi đối với tất cả những giá trị có vẻ hiển nhiên". Cuộc đối chọi giữa mục sư và những trí thức như ông là đối chọi giữa già cả đối với thiếu niên. Chàng thiếu niên, với tất cả những bông bột, thiếu kiên nhẫn, đầy nhiệt tình, muốn khám phá tất cả những khuôn mặt của hiện hữu. Chàng đang khai mở cái động cơ để chuyển hóa đống lịch sử ù lì trước mặt. Cái ù lì lịch sử của giai đoạn hiện tại là chủ nghĩa cộng sản với "tính chất hóa thạch" (petrification) của ý thức hệ này. Trong kẻ hở ngặt nghèo của núi đá ý thức hệ và chế độ chính trị phản tiến bộ, cây cỏ của tuổi trẻ đang mọc lên. Chàng tuổi trẻ "dâng hiến cuộc đời một ảnh tượng tích cực đánh dấu bởi những đối nghịch khắt khe mà chàng đang vượt lên". Thử thách tối cần của chàng, do đó, là sự trưởng thành, đơm hoa, kết trái trên sỏi đá ngặt nghèo. Nhưng chàng cũng phải đối chọi với một thử thách lớn hơn nữa: khuynh hướng hóa thạch của những năng động tươi trẻ này.

Mục đích của triết học, do đó, là sự duy trì bản chất năng động để chuyển hóa những khối đá của lịch sử đang đè bẹp con người. Theo Kolakowski thì tuổi trẻ phải nhận thức được khả năng vượt qua, tự thắng trên tuyệt đối chủ nghĩa vốn kèm kẹp thường trực sự thăng tiến của xã hội. Tuổi trẻ xác định tính chất bất thường cứu của lịch sử. Tuổi trẻ hy vọng vào sự có thể (possibilities) trong bối cảnh của bản chất đối nghịch vĩnh viễn. Tuổi trẻ thấy được một thế giới mới mà trong đó cực đoan tính được dung hòa: từ ái nhưng không bi lụy, thông minh nhưng không thụ động, hy vọng mà không mù quáng, và quan trọng hơn cả, can đảm nhưng không cực đoan.

II. Đến cỏ cây...

Cho đến năm 1946, thi ở Ba Lan, một cây khế ngọt đậm chồi.

Một chàng trí thức trẻ chào đời ở Warsaw có tên Adam Michnik. Michnik là con của một cán bộ cộng sản cao cấp của Ba Lan. Và ngay chính Michnik cũng là một Marxist với tất cả những cực đoan và nhiệt thành của thiếu niên.

Nhưng nhờ thừa hưởng được gia tài trí thức sâu đậm của Kolakowski, Michnik đã tự biến hóa. Khi Michnik đến thư viện quốc gia Ba Lan để tìm đọc lịch sử, chàng khám phá ra cái khoảng cách khác biệt giữa thực tế và những gì được cho phép trình bày trong sách vở ở đó. Khoảng cách này dần dần trở thành trọng tâm của mối suy tư của anh. Michnik quyết định trở thành một trí thức hoạt động. Nguyên tắc bất bạo động của Gandhi là xương sườn của ý thức tranh đấu. Chính anh đã từng bị bỏ tù bởi người cộng sản nhưng anh không mang hận thù. Chính vì cái nhìn quân bình này mà Michnik đã xông ra cứu một công an cộng sản đang bị đám đông đánh đập tàn nhẫn. Dù vậy, chính quyền cộng sản vẫn bỏ tù anh thêm ba năm nữa. Chính quyền muốn anh đi ra khỏi Ba Lan nhưng anh từ chối. Anh muốn ở lại Ba Lan. Michnik, theo Czeskew Milosz, không phải là một nhà giáo đạo đức, nhưng là một người nắm được cán cân quân bình của chuyển động. Năm 1979, giữa lúc phong trào tranh đấu của công nhân đang lên cao, Michnik nói với những phần tử cực đoan của Công Đoàn Đoàn Kết rằng: *"Cho dù cái gì sẽ xảy ra ngày mai, tôi xin nói rằng, nếu một thiên thần đòi hỏi anh hùng tính từ mọi người nhưng lại từ chối giá trị của hòa giải mà chỉ thấy thế giới qua nhãn quan đối nghịch đơn giản, chủ bối, đe dọa, khủng bố những người có ý kiến khác, thì thiên thần đó, dù có mong mọi thiên đường, cũng chỉ đang đi về địa ngục. Cho dù nhân danh cứu cánh nào đi nữa, thiên thần đó cũng chỉ đang gieo hạt giống hận thù cho một ngày mai bị đất mà thôi"*.

Michnik đại diện cho tầng lớp tinh hoa của thanh niên Ba Lan với truyền thống cao cả của ý thức tiến bộ, rộng lượng và chấp nhận khác biệt. Anh đã phải nuôi một ý chí lớn để khỏi bị sa ngã vào hố hận thù và nhỏ nhen. Dù bị bạc đãi bởi chế độ, nhưng không uất ức; được đồng đội ngưỡng mộ nhưng không tự hào. Michnik đã thấy được hố sâu tội lỗi chờ đón những kẻ chỉ cho mình là đúng. Jonathan Schell viết rằng Michnik là một sự khởi đầu cho một phong khí nhân văn chính trị mới cho Ba Lan. Hãy lắng nghe Michnik: *"Tôi tin rằng cái chế độ độc tài này đang đi vào ngõ cụt. Không còn ai tin những lời hứa hẹn hào huyền ở họ nữa. Họ còn có quyền lực để chém giết, bắt bớ; nhưng "gần như" không còn gì nữa cả. Tôi nói "gần như" vì họ vẫn còn có khả năng truyền nhiễm qua chúng ta cái bản chất khinh bạc và hận thù khắc nghiệt của họ. Chúng ta phải hội đủ nội lực để đối đầu với sự truyền nhiễm đó. Nhưng đây chính là sự đấu tranh quan trọng nhất"*. (1981)

Tác giả Tiệp Khắc Milan Kundera có nói rằng một tiểu thuyết hay không những chỉ xác nhận những gì mà chúng ta đã biết mà khám phá ra những khuôn mặt mới của cuộc đời. Theo đó thì Michnik không muốn thêm dầu xăng vào một trận lửa cháy ngút ngàn không thay đổi. Michnik nhắc nhở chúng ta rằng tự do có thể bảo đảm bằng cơ chế chính trị; nhưng tự do tối

hậu phải là kết quả của sự vượt thắng của tinh thần.

Năm 1976, bốn năm trước khi Công Đoàn Đoàn Kết chào đời, Michnik viết một tiểu luận mang tựa đề *A New Evolution (Một Ý Thức Tiến Hóa Mới)*. Michnik nhìn thấy được hai thái cực của mệnh đề chính trị khó khăn mà nhân dân Ba Lan phải đương đầu. Michnik công nhận tính không tưởng của bạo động vô trang; nhưng anh không từ bỏ đấu tranh. Anh biết dân Ba Lan là một dân tộc anh hùng và đầy lãng mạn cho một cuộc cách mạng bạo động. Nhưng anh nhìn thấy được cái vô vọng của vũ trang trước sức mạnh quân sự của Liên Xô hồi đó và của công an của chế độ. Tuy thế, Michnik tìm thấy được một kẽ nứt của núi đá bạo lực, một khoảng trống. Anh gọi khoảng trống nhỏ nhưng đầy hy vọng này là *"the sphere of possible compromise" (phạm vi cho cơ hội hòa giải và tương nhượng)*. Trong khoảng trống này, dân Ba Lan phải thực hiện được nguyên tắc dân chủ. Bạn tin vào tự do ngôn luận? Hãy nói lên. Tin vào xã hội rộng mở? Hãy công khai đất tranh. Bạn tin vào sự thật? Hãy nói sự thật. Tin vào một xã hội nhân bản và trong sạch? Hãy sống trong sạch và nhân bản. Sự vật lộn bi đát nhất của nhân dân dưới các chế độ cộng sản là đi tìm miếng cơm manh áo nhưng duy trì được phẩm cách con người. Phải đấu tranh, không những chỉ cho một ngày mai tốt đẹp, nhưng phải cho chính ngày hôm nay cũng được tốt đẹp hơn. Michnik muốn làm này làm nọ của đạo đức trong bối cảnh khó khăn, nhất là đạo đức chính trị. Anh nhận thấy một cơn sốt của tự do, nhân bản trong những xã hội bị khẹp chặt bởi chính trị.

Michnik, cũng theo Jonathan Schell, là một biện chứng gia - tin tưởng vào mãnh lực lịch sử thúc đẩy sau lưng mỗi con người. Anh tin vào tính tiệm tiến của lịch sử. Từng bước, từng bước một, tương lai sẽ vững chắc hơn. Điều quan trọng nhất là đừng đánh mất cơ hội tiến bộ vì không chủ động được giá trị mà chúng ta muốn tranh đấu. Michnik chỉ trích mạnh mẽ tinh thần "biết đánh mà không biết hòa giải; biết nổi giận nhưng không có đủ kiên nhẫn để điều tiết xúc cảm". Chủ trương "cứu cánh biện minh phương tiện" là đầu mối của nhiều thảm họa chính trị. Mục đích không phải là làm giảm cái anh hùng tính của phong trào đấu tranh; nhưng anh đã nhận ra một khuôn mặt mới của bản chất anh hùng của thời đại: biết tha thứ khi nhìn về quá khứ và có đủ cương quyết để kèm hãm bạo tính của lý tưởng. Lịch sử theo Schell, thì thường được cấu tạo nên bằng những cáo trạng; nhưng đối với Michnik thì ngược lại: chúng ta biết lịch sử để rộng lượng chấp nhận khác biệt và tương đối tính của những vận hành chính trị. Michnik tin vào cái mà triết gia Ba Lan Antoni Slonimski gọi là *"angerless wisdom" (trí tuệ không căm hận)*: sẵn sàng can đảm hành động cho những gì mình tin tưởng nhưng không đánh mất nhân cách; sẵn sàng hy sinh nhưng cũng tương kính và tha thứ; sẵn sàng chết nhưng không sát nhân. Tóm lại, "bạn thắng không phải vì đối phương thua nhưng vì bạn còn trung thành với chính mình".

Michnik cũng phải đương đầu với một văn hóa chính trị đầy xúc động của cộng đồng di cư và tị nạn Ba Lan ở Tây Âu và Hoa Kỳ. Dân tị nạn thì bị ngập đầu trong ảo tưởng cách mạng

toàn diện. Người trong nước thì thụ động thái quá. Cái cần thiết là sự dung hợp được năng động của người ngoài nước để biến thành một mảnh lực chung cho tập thể quần chúng bị kềm kẹp ở trong nước.

Đối với những người đã bỏ nước ra đi, Michnik thường nhắc nhở giới trẻ rằng người xa xứ thường trải qua những khổ nạn lớn. Họ là kết quả của bao nhiêu thất vọng, đau đớn. Cuối cùng, họ là nạn nhân của chính họ. Michnik viết trong một lá thư: *"Chính quyền cộng sản muốn cho người trí thức đấu tranh di cư ra nước ngoài vì họ biết rằng chàng trí thức này, khi qua Tây Phương, chỉ ồn ào được một thời gian ngắn rồi thôi. Thế giới rồi sẽ lãng quên họ. Dân trong nước không nghe biết đến tên họ nữa. Cộng đồng di cư ồn ào cãi lộn với nhau. Để rồi họ đi từ ngục tù đến con số không vô nghĩa"*.

Michnik nhắc lại một câu ngắn trong tạp chí Polityka rằng, *"there is no point in chasing after lost innocence" (đừng phí công đi tìm lại thời ngây thơ đã mất)*. Cái ngây thơ của số người giận dữ là cuồng nộ một cách tội nghiệp trong cái ảo tưởng của quá khứ anh hùng. Michnik nói: "dân Ba Lan có thể làm được việc cao hơn chiến đấu - họ có khả năng suy luận". "Hãy nhìn chế độ độc tài như một lưỡi dao găm". Anh nói tiếp: "Dao có thể dùng để dọa nạt, để giết; nhưng bạn ơi hãy nhớ rằng, không ai có thể ngồi trên mũi dao găm đâu!"

III. Đến trang lịch sử Việt Nam

Cách đây 46 năm, trong những ngày cuối năm bên đèn dầu heo hắt, một thanh niên trẻ Việt Nam ngồi bên tường đất nhìn lên tấm lịch cũ treo trên tường suy tư về ý nghĩa của con đường đấu tranh và lịch sử.

Đối với Lý Đông A, cha đẻ của chủ thuyết chính trị Duy Dân, thì lịch sử là một tiến trình hiện thực hóa lý tưởng của con người, của nhân loại. Với phong thái quán tưởng của những con người ở trong thời đại chuyển biến, Lý Đông A kêu gọi thanh niên Việt Nam hãy nhìn lại chính mình, "trở lại tự mình, xem cái sinh mệnh của chính mình tất thấy tất cả cái kết hợp và sinh mệnh của loài người, của lịch sử muôn năm cho đến ngày hôm nay".

Lý Đông A nhìn cuộc đời, "chỉ thấy đau khổ và chỉ còn rớt lại đau khổ trong cái vạch hướng thượng của đời sống". Là một Phật tử, Lý Đông A chiêm nghiệm cuộc đời trên căn bản của con người, nhận chân ra giá trị của khổ đau, để vươn mình đi tới. Ông trích Mạnh Tử, rằng: "Trời sắp giáng đại mệnh cho ai, tất bắt người đó óc mồi, gân nhừ, tim héo, phổi mòn, đủ điều khốn khổ, bách chiết thiên ma, làm cho người đó đứng dậy mà lớn lao lên". Theo Lý Đông A, mỗi dân tộc có một "khổ nạn của số phận". Dân tộc phải chịu đau khổ như cá nhân để dân tộc đó được đi đến con đường "thắng nghĩa" và "thắng nhân". Có thể đã chịu ít nhiều ảnh hưởng của Emmanuel Kant, người Đức, cách 150 năm trước, Lý Đông A chủ trương rằng mục đích của lý tưởng quốc gia và dân tộc là thể hiện được chân lý và đạo đức của tạo hóa. Theo ông, "quốc gia với dân tộc chỉ là

một khái niệm, một tên gọi rỗng không nếu (chúng ta) không sung thực cho nó một thực thể ở bên trong". Lý Đông A nói tiếp: "quốc gia hay dân tộc chỉ là hư danh" cho đến khi chúng ta thực hiện được "cái sinh mệnh thực thể của giống nòi và toàn dân hướng theo một lý tưởng và chính nghĩa".

Khi Lý Đông A đang viết những giòng chữ trên thì Thế Chiến thứ Hai đang tiếp diễn. Những con người Việt Nam đang bị đẩy vào những chọn lựa bất buộc và quyết liệt. Mỗi bước đi tới của dân tộc đều có khả năng cả về thảm họa trộn lẫn với cơ hội. Lý Đông A nhìn lên tường, trầm tư để nghĩ đến cái "sử hòn" của dân tộc Việt. Từ những thao thức đó, ông viết thành bộ tiểu luận gọn ghẽ phân bày một nội dung triết học lịch sử được gọi là *"Duy Dân Biện Chứng"*.

Lý Đông A hỏi: "Trải 5.000 năm nòi giống chưa bị diệt vong, phải có một lẽ gì? Và phải có một việc gì để làm?". Có thể ông đã hỏi tiếp: "Không thể giá trị hiện hữu của dân tộc Việt chỉ là để bị đau khổ?". Và "đau khổ cho mục đích gì?". Lý Đông A đã không trả lời những câu hỏi này mà chỉ hy vọng là "chỉ có những người dưới địa ngục mới thực nghiệm thấy cái đau khổ của nòi giống và chúng sinh".

Nhưng nhìn vào khối nhân loại trước mặt, nhất là dân tộc Việt, Lý Đông A nhìn thấy được luồng "Gió Đáy". Luồng "gió đáy" của ông là thập niên 1940-1950. Thế hệ của ông muốn "tác dụng chủ đạo của mình" để làm việc cho "thời đại 2.000". Ông nói: "Chỉ có thế hệ thực tiễn tiến" trang bị cho mình "trí viễn kiến và dũng cảm" để "đủ huyết tính ra gánh vác công việc lớn lao của thời đại trao cho".

Nhưng thế hệ của Lý Đông A chưa có cơ hội thử nghiệm với thực tế của chính trị và lịch sử. Khi luồng "gió đáy" của dân tộc đang được thổi lên thì đồng lúc với sự khát khao của thời đại muốn giải quyết lịch sử toàn diện và cực đoan. Kết quả là ý thức hệ Marx - Lenin đã được đón nhận để đưa mệnh nước và dân tộc vào khúc quanh lịch sử tang thương và bi đát. Năng lực thế hệ của giai đoạn năm mươi năm qua đã kiệt cạn.

Hãy nghe Lý Đông A: *"Mỗi thời buổi, trong giòng sông lịch sử hoạt động như thế, phải có một tuổi ra cầm nắm sức chủ và làm cán cốt cho đời sống chung hết thảy. Tất cả trong thời buổi ấy, những cái đang còn sót lại hay những cái đang chồi nảy, phải ở dưới sự chỉ huy của cái tuổi làm sức chủ đó thì xã hội mới khai thông được, và nòi giống mới sống còn được. Mỗi thế hệ cũ phải biết nắm thời cơ lui về một bản vị có ích chung. Mỗi thế hệ mới phải biết nắm thời cơ tiến lên ngôi báu của thời đại mới mà chỉ huy, mà làm tròn sứ mệnh mới. Mỗi thế hệ dự bị phải thâm tòm hết kinh nghiệm và trí tuệ cũ, trau dồi cho mình tất cả những điều kiện cần yếu cho nhiệm vụ tương lai của mình (vốn) đã sắp sẵn ra nổi liền đây tiến hóa"*.

Sau Lý Đông A, Việt Nam chưa xuất hiện một triết gia lịch sử và chính trị mới. Nhưng những bài học của thế giới thì đầy ắp cho dân tộc Việt. Thế hệ mới đang là một khối lịch sử mới, một năng động tiến hóa mới. Hỡi người bạn trẻ của thế hệ 2.000, thế kỷ trước mặt là gia tài của chúng ta.

Nguyễn Hữu Liêm

Quỹ đạo của chó

Nguyễn Gia Kiểng

Xin bắt đầu bài này bằng một lời đính chính. Cụm từ "quỹ đạo của chó" không phải là một câu xỉ vả mà là tên của một bài toán. Độc giả nào từng học môn cơ học và hình học giải tích chắc đã biết bài toán đi đôm nhưng học búa này.

Sở dĩ tựa đề của bài này có thể gây khó chịu - và không biết chừng phản nộ! - cho một số người là vì chó không được coi trọng trong nấc thang giá trị của người Á Đông. Người ta giận khi bị so sánh với chó. Người ta rửa nhau là "đồ chó má", "quân cầu trệ" v.v... làm như chó là tiêu biểu của một cái gì xấu xa, đáng khinh bỉ.

Thực ra chó là người bạn cao quý và thủy chung. Chủ của chó dù nghèo khổ, chó cũng không bao giờ bỏ. Tình bạn đã cho, chó không bao giờ lấy lại. Thời Chiến Quốc bên Tàu, Tô Tần lúc chinh phục thiên hạ chưa thành, có lần trở về thân tàn ma dại, vợ con không thèm nhìn mặt, nhưng vẫn được con chó vàng vẫy đuôi mừng đón. Một khi đã thân quen, chó hy sinh và chịu đựng tất cả. Dừa trẻ nổi giận đánh chó, chó chỉ kêu đau và bỏ đi. Chó còn có một khả năng siêu việt mà không giống vật nào có: đó là tình yêu và sự vui tươi. Chủ chó đi xa về, chó chồm tới với một sự vui mừng hồn nhiên và mãnh liệt. Chó vẫy đuôi, quấn người, nhảy nhót, vồ vập... Chó có một trữ lượng yêu thương và lạc quan hình như vô tận. Và vì chó đem đến tình bạn và niềm vui trong một xã hội càng ngày càng máy móc và khô khan nên chó rất được các xã hội văn minh quý trọng.

Tại Pháp có một chương trình chăm biếm chính trị gia trên đài truyền hình được gọi là Bébête Show, trong đó mỗi chính khách có tên tuổi được hiện thân bằng một con vật. Tổng thống Mitterrand là một con ếch, cựu thủ tướng Raymond Barre là một con gấu, tổng bí thư đảng cộng sản Pháp Georges Marchais là một con heo v.v... Riêng một số nhân vật như cựu tổng thống Giscard d'Estaing, cựu thủ tướng Chirac không được làm con vật mà vẫn phải xuất hiện như những con người. Ông Giscard d'Estaing coi đó là một bất công và ông tỏ ý muốn được thể hiện bằng một con chó nhỏ. Đòi hỏi này khiến nhà sản xuất Collaro bối rối vì nếu chiều ý ông Giscard thì sẽ khiến ông được nhiều thiện cảm quá, và sẽ bị các chính khách khác phản đối là thiên vị. Rốt cuộc không chính khách nào được làm chó cả.

Nhưng hãy trở về với bài toán "quỹ đạo của chó". Không phải ai cũng đã từng học toán ở cấp đại học và vì thế cần trình bày bài toán đó. Thi đây:

Một con chó muốn chụp bắt một đối tượng (một đồ chơi chẳng hạn). Chó nhắm thẳng đối tượng và phóng tới. Nhưng đối tượng không đứng yên một chỗ mà chuyển động trên một quỹ đạo, cho nên chó vừa khởi hành đối tượng đã đổi vị trí, và chó lại phải đổi hướng chạy. Cứ như thế, chó vừa chạy vừa phải thích nghi hướng chạy của mình theo vị trí mới của đối tượng. Tìm ra quỹ đạo của chó không phải là dễ. Ở mỗi thời điểm người ta chỉ biết một điều: đường thẳng nối liền chó với đối tượng là tiếp tuyến của quỹ đạo của chó. Muốn tìm quỹ đạo của chó phải dùng một phương trình tiếp tuyến phức tạp và phải vận dụng những định lý của cơ học và hình học giải tích.

Trong trường hợp đơn giản nhất là đối tượng chuyển động trên một đường thẳng với một vận tốc cố định và chó cũng chạy với một vận tốc không thay đổi, quỹ đạo của chó cũng đã là một đường cong rất cầu kỳ. Nếu ta lại giả thử đối tượng di chuyển trên một đường không thẳng, với vận tốc thay đổi và chó cũng chạy với một vận tốc biến thiên theo thời gian thì ngay cả những nhà toán học thượng thặng nhất về môn cơ học cũng phải điên đầu mà chưa chắc đã tìm ra phương trình cho đường biểu diễn cho quỹ đạo của chó.

Kết quả của bài toán trên là mặc dầu chó lúc nào cũng muốn chạy thẳng tới đối tượng và muốn chụp bắt đối tượng một cách nhanh chóng nhất nhưng trên thực tế chó đã chạy trên một quỹ đạo rất phức tạp và rất dài. Vô tình chó đã cho chúng ta một bài học: *con đường có vẻ tự nhiên nhất thực ra không phải là con đường đơn giản nhất. Giải pháp có vẻ ngắn nhất thực ra làm tốn rất nhiều thì giờ và sức lực.*

Sai lầm cơ bản của anh bạn chó của chúng ta là đã không biết tiên liệu. Nếu bạn ta thay vì cầm đầu cầm cổ chạy theo đối tượng, biết suy nghĩ, chấp nhận hành động phức tạp hơn một chút thì có lẽ công việc của anh ta sẽ giản dị và dễ dàng hơn nhiều. Thay vì chạy theo đối tượng, bạn chó của chúng ta đáng lẽ đã phải chạy tới một điểm trên quỹ đạo của đối tượng và đợi bắt đối tượng ở đó.

Trình bày như trên có thể khiến nhiều người chê chó là "ngu như chó". Nói như vậy là quên rằng quỹ đạo của chó là hậu quả của khả năng thích nghi phi thường của chó. Ở mỗi thời điểm chó nắm rõ vị trí của đối tượng và uyển chuyển tức khắc lộ trình của mình để đạt mục đích. Chó không ngại biện, tự ái, và cũng không lưỡng lự. Chó biết phục thiện và rất thực tế. Chỉ tiếc rằng chó đã hành động thuần túy theo trực giác và bản năng thay vì theo lý luận.

Chó là con vật thông minh nhất và có nhiều nhạy cảm

giống như người nên vì thế mà nhiều khi phản ứng của chó cũng giống phản ứng của người.

Hãy lấy thử trường hợp của chính trị Việt Nam.

Đảng cộng sản mãi miết chạy theo lý tưởng Mác - Lênin mà không nhận ra chuyển động của nó, vì thế họ đã bị dẫn tới những chặng đường không ngờ trên một quỹ đạo rất phức tạp. Thực ra phải nói là một quỹ đạo đẫm máu. Từ một lý tưởng quang đại và vị tha lúc ban đầu, các chế độ cộng sản với thời gian đã hóa thân thành những bạo quyền khủng bố, rồi phải sống chung hòa bình với Phương Tây, phải thỏa hiệp trong chính sách nội bộ với quyền tư hữu, rồi co cụm lại trong những biên giới quốc gia đóng kín, cuối cùng trở thành những chế độ phát xít mà không biết. Dầu vậy đảng cộng sản Việt Nam vẫn hăm hở chạy theo. Lộ trình của họ giống hệt như quỹ đạo của chó.

Nhưng họ lại thua chó ở khả năng thích nghi, cho nên cuối cùng khi các chế độ cộng sản chuyển động mạnh để tự khai tử trong hòa bình, họ đã thối loạn và vẫn cầm đầu chạy tiếp theo đường xưa lối cũ, mặc dầu đường xưa đã sập, lối cũ đã bít. Lần này quỹ đạo của họ không còn là quỹ đạo của chó nữa mà là quỹ đạo rối loạn của con nai vàng ngơ ngác, hốt hoảng trong cơn bão rừng không biết chạy về đâu.

Bài này không có ý định mạt sát người cộng sản. Nó chỉ nói lên một sự bi đát và sự bi đát này những người chống cộng cũng chia sẻ. Chống cộng đã chỉ là một chính sách giai đoạn của các cường quốc Phương Tây. Nó chưa bao giờ là một lý tưởng. Nhưng nhiều người Việt Nam đã lấy nó làm lý tưởng để rồi cũng phải chạt vật với những thay đổi chính sách của quan thầy và bị dẫn dắt từ thất vọng này đến thất vọng khác. Chống Hiệp định Genève rồi sau đó lại phải đòi tôn trọng Hiệp định Genève mà không được. Chống Hiệp định Paris rồi cũng phải ký, rồi lại cố đòi tôn trọng Hiệp định Paris mà cũng không được. Dẫn cảnh kháng chiến võ trang, ồn ào kêu gọi lập chiến khu để rồi phải biện bạch rằng lúc đó vì... nhưng ngày nay vì...

Thực đáng buồn nhưng phải nhìn nhận rằng thiếu tiên liệu luôn luôn là một hằng số của chính trị Việt Nam.

Năm 1945, đã phải tiên liệu rằng chủ nghĩa thực dân sắp cáo chung và độc lập dân tộc là điều chắc chắn sẽ có. Vấn đề lúc đó chỉ là tranh đấu để sớm có độc lập, để sớm bắt đầu xây dựng, và nếu hiểu như thế thì không thể có vấn đề hy sinh tất cả cho kháng chiến giành độc lập.

Năm 1954, đã phải nhận định là đất nước đã quá kiệt quệ và mệt mỏi để có thể chịu đựng một cuộc chiến tranh chống Mỹ.

Năm 1975, thay vì nhìn thấy sự phá sản đã rõ rệt của chủ nghĩa cộng sản và chuyển hướng - vì lúc đó có rất nhiều điều kiện tốt để chuyển hướng - đảng cộng sản lại huênh hoang đi vào ngõ cụt. Họ đánh chiếm Kampuchea để rồi phải rút quân sau khi trả giá rất đắt. Họ khiêu khích với Trung Quốc để rồi phải quy lụy cầu hòa.

Năm 1991, bầu trời xã hội chủ nghĩa đã sập trên đầu họ,

nhưng họ vẫn chưa hiểu rằng chỉ còn một việc phải làm là tự tổ chức lấy sự cáo chung của chế độ trong êm thấm.

Những người lãnh đạo cộng sản không phải là tồ. Trái lại họ rất xuất chúng. Họ có bản năng mạnh. Họ cũng có thừa thông minh và đảm lược. Nhưng họ thiếu văn hóa để có thể nhìn xa và thấy trước cho nên họ cứ phải hụt hơi chạy theo một thực tại không bao giờ ngừng chuyển động.

Trước mặt họ, rất nhiều người quốc gia nhiều năm sau 1975 vẫn không thấy được là chế độ cộng sản chắc chắn sẽ bị đào thải và tương lai dân chủ đa nguyên là một bất buộc. Thay vì lạc quan, họ đã lấy tuyệt vọng làm tinh thần chỉ đạo và đã chỉ biết phản ứng thay vì hành động. Thay vì đứng dậy khởi hành về tương lai, họ đã tự cột chân vào nghĩa trang để làm người giữ mồ cho chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Ngày nay dù chúng ta đã được thời cuộc soi sáng rất nhiều, nhưng chúng ta vẫn còn cơ nguy rơi vào một thảm kịch khác nếu không biết tiên liệu để đi trước biến cố thay vì chạy theo biến cố.

Chế độ cộng sản đã chết, ngay cả tại Việt Nam. Trước mắt chúng ta chỉ còn là một chế độ độc tài thối nát, như mọi chế độ độc tài thối nát khác. Nhưng hết cộng sản không phải là hết vấn đề. Bộ máy chính trị của đảng cộng sản đã quá yếu để có thể kiểm soát được một quân lực quá đồ sộ. Chúng ta thiếu thực phẩm nhưng lại có quá nhiều súng đạn. Đất nước Việt Nam đã chín muồi cho một cuộc đảo chánh quân sự, dọn đường cho một chế độ quân phiệt. Chế độ này sẽ tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng sẽ chẳng thay đổi gì hết. Nó sẽ chỉ đem lại một tình trạng hỗn loạn chính thức. Nó sẽ cấu kết với các tập đoàn quân phiệt địa phương Thái Lan, Miến Điện, Trung Quốc để kéo dài. Lúc đó chúng ta sẽ ăn nói làm sao, nếu lập trường của đối lập Việt Nam vẫn là chống cộng?

Trong trung hạn, 5 năm hay 10 năm, điều rất có thể xảy ra là Việt Nam sẽ là một nước trong đó các chủ nhân và ban lãnh đạo xí nghiệp là người Trung Hoa, người Nhật, người Thái, người Đại Hàn, người Pháp còn công nhân là người Việt Nam. Tệ hơn nữa còn là một đất nước đầy rẫy khách sạn và vũ trường trong đó chủ nhân và khách hàng là người ngoại quốc, còn bồi bàn và vũ nữ là người Việt Nam. Ai chấp nhận cho Việt Nam tương lai này? Nhưng đó là điều sẽ đến nếu kẻ cầm quyền vẫn tiếp tục thái độ "được làm vua" và đối lập vẫn tiếp tục tâm lý "thua làm giặc".

Chúng ta hơn thua nhau để làm gì nếu đất nước chúng ta thua kém thế giới? Lúc đó cái hơn chẳng qua chỉ là cái hơn của người bồi chính và người bồi phụ. Chúng ta sẽ chỉ có tương lai xứng đáng nếu biết nhìn nhau là anh em và bắt tay nhau, diu dắt nhau xây dựng một tương lai chung. Hòa giải và hòa hợp dân tộc là một bất buộc. Hòa giải để động viên mọi khát vọng dân chủ trong cố gắng dứt điểm bạo quyền. Hòa hợp để cùng nhau thoát hiểm, tránh cho đất nước khỏi bị gạch tên trong danh sách những dân tộc có thể nói đến hạnh phúc và danh dự.

Mỗi người chúng ta chắc chắn sẽ phải hy sinh nhiều tự ái

Doãn Quốc Sỹ, Dương Thu Hương được trả tự do, Nguyễn Đan Quế bị đem xử

Ngày 2-11-1991, một tin vui lớn đã đến: nhà văn Doãn Quốc Sỹ được trả tự do. Ngày 20-11-1991, lại một tin vui nữa: Dương Thu Hương cũng thoát vòng lao lý. Theo một nguồn tin của Ân xá Quốc tế, hy vọng sẽ được kiểm chứng, Nguyễn Chí Thiện cũng đã được phóng thích từ 29-10-1991. Trong những nạn nhân của chế độ cộng sản, chắc chắn không ai xứng đáng được nhiều cảm phục như Nguyễn Chí Thiện. Nguyễn Chí Thiện đã dùng cả cuộc đời ông để làm chứng cho tinh thần bất khuất của dân tộc.

Niềm vui lẫn với phần nộ bởi vì cùng một lúc người ta được biết Nguyễn Đan Quế sẽ bị đem xử vào ngày 29-11-1991.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, năm nay 68 tuổi, đã bị bắt ngay sau 1975, ông bị kết án là một tên biệt kích văn nghệ. Các tác phẩm của ông đề cao tình bạn, tình yêu, tình dân tộc. Người mẹ giữ một vai trò cao quý trong mọi truyện ngắn và tiểu thuyết của ông. Doãn Quốc Sỹ phủ nhận chủ nghĩa cộng sản, nhưng cũng rất nghiêm khắc với những phần tử chống cộng cơ hội. Doãn Quốc Sỹ được trả tự do năm 1981 để rồi lại bị kết án 9 năm tù từ năm 1984 về tội xâm phạm an ninh mặc dầu ông là người hiền lành và không tham gia một hoạt động chính trị nào.

Dương Thu Hương, trái lại, đã là nạn nhân của thái độ can đảm của bà. Mặc dầu là một đảng viên cộng sản và đã tham gia đắc lực vào chiến tranh, bà đã tố cáo mạnh mẽ đường lối bảo thủ, phản dân tộc của đảng cộng sản, bất chấp mọi đe dọa. Bị bắt từ ngày 14-4-1991, Dương Thu Hương đã bị giam giữ 7 tháng. Nhiều tiếng nói xuất phát từ những người thuộc mọi quá khứ chính trị đã cất lên bênh vực Dương Thu Hương.

Sự dũng cảm nào cũng đáng được tôn vinh, nạn nhân nào của bạo lực cũng phải được bênh vực, nhưng phải thành thực mà nói những trường hợp như Nguyễn Đan Quế và

Đoàn Viết Hoạt đáng được đề cao hơn nữa.

Nguyễn Đan Quế cũng như Đoàn Viết Hoạt đều là những người trước năm 1975 tích cực tranh đấu cho hòa bình và dân chủ bằng đường lối bất bạo động. Họ đã tiếp tục đấu tranh cho dân chủ bằng phương thức bất bạo động sau 1975. Cả hai đã bị bắt giam hơn 10 năm, được tha cùng năm 1988, để rồi bị bắt lại cùng năm 1990.

Tháng 5-1990, Nguyễn Đan Quế đã có một thái độ can đảm phi thường. Anh đã thách đố chính quyền cộng sản công khai ra một tuyên ngôn lên án chế độ, đòi dân chủ đa nguyên. Nguyễn Đan Quế đã can đảm chấp nhận tù đầy mặc dầu anh đã trải qua 10 năm lao lý vô cùng nghiệt ngã.

Chính quyền cộng sản xử Nguyễn Đan Quế về tội gì? Vụ án Nguyễn Đan Quế trước dư luận quốc tế và Việt Nam thực ra chỉ là vụ án chế độ cộng sản. Nó sẽ chỉ nói lên sự bất lực và bối rối của chế độ. Chúng ta có thể tin là Nguyễn Đan Quế sẽ được trả tự do trong một ngày gần đây. Và đó sẽ là một thắng lợi lớn nữa của cuộc đấu tranh cho nhân quyền và tự do dân chủ.

Đoàn Viết Hoạt còn gian nan hơn. Anh vẫn còn bị giam giữ và chưa nhìn thấy được ngày lấy lại tự do. Đoàn Viết Hoạt xứng đáng được sự chú ý đặc biệt của chúng ta hơn nữa.

Trước hiện tình đất nước, và trước những thay đổi quan trọng tại Đông Âu, nhiều người đã lên tiếng tiếc rằng Việt Nam không có những con người như Lech Walesa của Ba Lan, Vaclav Havel của Tiệp Khắc. Nguyễn Đan Quế và Đoàn Viết Hoạt... chính là những khuôn mặt của Việt Nam. Họ có khả năng và dũng cảm không kém, chỉ tiếc rằng họ chưa được sự hưởng ứng tương tự như những con người đã mở những trang sử mới tại Đông Âu.

Trong cuộc tranh đấu vì nhân quyền, vì tự do dân chủ, tinh cảm và lương tâm của chúng ta không thể bị giới hạn trong những lựa chọn chính trị của quá khứ. Nếu 7 tháng tù của Dương Thu Hương là một thảm kịch thì 12 năm tù của Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt và nhiều tù nhân chính trị khác hiện có tại Việt Nam còn là một thảm kịch lớn hơn nữa.

Vũ Thiện Hân

Quý đạo của chó

và nhiều uất ức chính đáng. Nhưng nếu không chúng ta sẽ mất tất cả.

Tiên liệu là yếu tố cốt lõi của chính trị. Cái khó là tiên liệu không phải là một phản ứng tự nhiên. Nó không có sẵn trong bản năng, mà trái lại đòi hỏi vượt lên trên bản năng và vận dụng trí tuệ để vừa nhìn rõ thực tại lại vừa nhận ra hướng đi và điểm tới của thực tại.

Tiên liệu chính xác chỉ có trong khoa học chính xác. Trong vận hành của xã hội hầu hết mọi tiên liệu đều sai nếu không được liên tục điều chỉnh. Dự đoán của chúng ta cho

năm 2000 vào tháng 12 năm 1991 này sẽ không còn là dự đoán của chúng ta cho năm 2000 vào tháng 6 năm 1991. Nhưng chúng ta vẫn phải tiên liệu. Bởi vì nếu không có tiên liệu thì cũng không thể có chính trị. Chúng ta cũng chỉ có thể đoàn kết với nhau nếu cùng theo đuổi một dự án, dựa trên một dự đoán tương lai.

Nhà khoa học không gian không bắn được phi thuyền lên mặt trăng nếu chỉ nhắm mặt trăng mà bắn, trái lại phải bắn phi thuyền tới một điểm mà mặt trăng sẽ tới. Trong chính trị cũng thế. Làm chính trị là hồ hện với tương lai chứ không phải là chạy theo một hiện tại luôn luôn thay đổi.

Nguyễn Gia Kiểng

Bài học dân chủ Ba Lan

Cuộc bầu cử vừa qua, bầu quốc hội lập pháp tự do đầu tiên từ 50 năm nay trong lịch sử Ba Lan, là một thất bại.

Ngày tuyển cử, 27-10-1991, chỉ có 40% cử tri đi bầu và kết quả là 29 đảng phái có dân biểu tại quốc hội nhưng không một tổ chức chính trị nào chiếm hơn 13% phiếu. Đảng Liên Hiệp Dân Chủ của cựu thủ tướng Tadeusz Mazowiecki chiếm 12,3% phiếu với 62 ghế trên tổng số 460 ghế. Đảng Liên Minh Dân Chủ Tả Phái (cộng sản cũ) chiếm 12% phiếu với 60 ghế. Đảng Hành Động Công Giáo về hạng ba với 8,7% phiếu và 49 ghế. Đảng Dân Chủ Tự Do của đương kim thủ tướng Bielecki chiếm được 7,5% với 37 ghế. Công Đoàn Đoàn Kết của tổng thống Lech Walesa chỉ chiếm được 5% phiếu với 27 ghế. Điều vô cùng khôi hài là Đảng Những Người Bạn Nhậu La De chiếm được 3% với 16 ghế. Trong quốc hội tương lai, sẽ không có đa số cầm quyền và đời sống chính trị của Ba Lan sẽ đi vào ngõ cụt. Hai ngày sau ngày tuyển cử, tổng thống Lech Walesa, trước kết quả bi đát trên, lại khôi hài đề nghị tự mình làm thủ tướng! Ông Geremek, của đảng Liên Hiệp Dân Chủ, đảng tương đối được nhiều phiếu nhất, đã được tổng thống Walesa mời làm thủ tướng. Nhưng sau nhiều ngày vận động để thành lập chính phủ liên hiệp, Geremek thất bại và tuyên bố bỏ cuộc. Có lẽ quần chúng Ba Lan lại bắt buộc chấp nhận một chính phủ dẫn đầu bởi thủ tướng ra đi, Bielecki, người cầm đầu chính phủ trước đây bị mất tín nhiệm vì chính sách khắc khổ của cựu phó thủ tướng kiêm bộ trưởng Kinh Tế Tài Chánh, Balcerowics. Hoặc, có lẽ giải pháp khôi hài của tổng thống Walesa có thể thành sự thật. Nhất là đã có tiền lệ tại Cộng Hòa Nga với Boris Yeltsin nắm giữ một lúc hai trọng trách.

Sự thất bại của cuộc bầu cử này súc tích những dữ kiện vô cùng hữu ích. Nếu đủ sáng suốt để rút tỉa những bài học của biến cố trên, đất nước chúng ta có thể tránh được những thảm trạng tương tự trong tương lai.

Trước hết, sự thất bại của cuộc bầu cử được giải thích bằng sự ngột ngạt của quần chúng vừa thoát được những ràng buộc của chế độ cộng sản. Họ ngột ngạt nghĩ rằng khi đã đập đổ được độc tài chính trị và kinh tế nhà nước cộng sản thì sẽ đi đến tức khắc thiên đàng tư bản, với tất cả tự do, no ấm, xe hơi, máy lạnh, máy truyền hình... Sự ngột ngạt này thể hiện trong sự thành công của Tyminski, một người Ba Lan lưu vong, trong cuộc tranh cử tổng thống Ba Lan vừa qua. Tyminski đã mị dân, đưa ra hình ảnh một người dân Ba Lan đã trở thành triệu phú trong thế giới tư bản (trong khi dấu kín những mảnh khố không lấy gì làm

lượng thiện đã giúp ông ta trong tiến trình đạt tới địa vị trên). Sự nghiệp Tyminski là giấc mơ của nhân dân Ba Lan nói chung và của giới trẻ nói riêng. Tyminski, với chiêu bài này, bắt mạch được thị hiếu của quần chúng, đã qua mặt chính cựu thủ tướng Tadeusz Mazowiecki trong vòng đầu của cuộc tranh cử tổng thống.

Những chính phủ kế tiếp, từ ngày Ba Lan được tự do dân chủ, vì thiếu nhân sự chính trị, chuyên viên có trình độ, đề ra những chính sách thiếu thực tế, đã không đem lại những kết quả kinh tế mong đợi. Phải thẳng thắn công nhận một chân lý: tất cả mọi người, từ một anh thợ điện trong xưởng đóng tàu Gdansk như Lech Walesa đến một người viết văn, viết kịch như Vaclav Havel, chỉ cần có đảm lược, đều có thể trở thành lãnh tụ lừng danh trong cuộc tranh đấu chính trị, nhưng không phải bất cứ ai cũng trở thành chính trị gia, chính khách và nhất là những nhà "kinh bang tế thế" một cách tự nhiên được. Thực tế phủ phàng này đã làm cho giấc mộng phồn vinh "tức khắc" của quần chúng sụp đổ vì ngột ngạt và vì bị huyền hoặc bởi những luận điệu mị dân trong các cuộc tranh cử. Quần chúng đã không được chuẩn bị tâm lý một cách nghiêm túc để chấp nhận chính sách kinh tế khắc khổ.

Ngoài ra, cảnh hỗn loạn của chính trường đã lại là một yếu tố làm cho quần chúng mất tin tưởng. Hàng chục đảng phái tranh cử, đã làm cho dân chúng chưa được sửa soạn với đời sống đa nguyên đa đảng, không đủ trình độ nhận định một cách sáng suốt để "chọn mặt gửi vàng", sinh ra hoang mang bối rối. Tệ hơn nữa, các lãnh tụ cũ của Công Đoàn Đoàn Kết (CDDK) lại chia rẽ và chỉ trích lẫn nhau một cách kịch liệt. Các nhà trí thức lãnh đạo cũ của CDDK và cũng là những bạn đồng hành của tổng thống Walesa trong những ngày tranh đấu gay go trước đây như Mazowiecki, Kuron, Geremek, đã thành lập một đảng mới lấy tên là Liên Hiệp Dân Chủ, chống đối đường lối chính trị và kinh tế của tổng thống Walesa và của CDDK. Tình trạng chia rẽ hỗn loạn đã trầm trọng hóa tâm lý đào nhiệm của quần chúng.

Cuối cùng luật bầu cử tồi dở, đa nguyên quá trớn, đã không cho phép xuất hiện một đa số cầm quyền. Đảng X (vô tên tuổi) với 0,47% phiếu cũng chiếm được 3 ghế.

Từ bài học Ba Lan, ta có thể nhận định rằng những điều kiện cần để giai đoạn chuyển tiếp từ chế độ cộng sản sang chế độ dân chủ tự do đi đến thành công là sự đoàn kết của nhân sự chính trị, một luật bầu cử công bằng nhưng đủ khả năng cho phép xuất hiện một đa số cầm quyền tối thiểu, một chính sách kinh tế thực tiễn điều hành bởi một ê kíp chuyên viên có trình độ, và nhất là công cuộc sửa soạn tâm lý quần chúng chấp nhận những khắc khổ tối thiểu của buổi giao thời.

Huỳnh Hùng

Vài suy nghĩ về một sự thất vọng

Ông Bùi Tín đã từ Pháp sang Mỹ vào trung tuần tháng 10 vừa qua, gặp gỡ người Mỹ trong cũng như ngoài chính quyền, và tiếp xúc với một số người Việt trong cũng như ngoài các tổ chức của cộng đồng Việt Nam.

Có nơi đón tiếp ông trong vòng thân mật, có nơi tổ chức những buổi tiếp tân long trọng như thể chào đón một lãnh tụ. Trong những lần tiếp xúc đó, có những lời lẽ chân thành, cũng có "vài lời nói lạc lõng, khiếm nhã", theo như nhận định của chính ông Bùi Tín.

Ông đánh giá "*chuyến đi bỏ ích, kết quả vượt ngoài dự kiến*". Một số người trong cộng đồng người Việt có nhận định khác. Họ thất vọng. Tờ Ngày Nay ở Houston - một tờ báo mà ông Bùi Tín xem là "được nhiều bạn đọc tin cậy và quý mến" (Trọng Kim phỏng vấn Bùi Tín, Ngày Nay số 240, trang A6) - cũng đã phản ánh phần nào sự thất vọng này. Thái độ của ông được gọi là "*dụt dè*", những phác họa về một giải pháp cho những bế tắc chính trị tại Việt Nam do ông đưa ra được mô tả là "*mù mờ, thiếu dứt khoát*", và nhiều người cho rằng "*những quan niệm về hành động của ông Bùi Tín cũng không khác chủ trương cải tổ từ bên trong của một số nhân vật lãnh đạo cộng sản hiện hữu*". (Bùi Tín: từ Hoa Thịnh Đốn đến California, Ngày Nay 239).

Chúng ta có thể rút ra bài học gì trong cách nhận định tiêu cực này của một số người Việt trong cộng đồng tại Mỹ? Có thể nói có nhiều nguyên nhân - khách quan và chủ quan - cho thái độ thất vọng đó. Nhưng đặc biệt một bài phỏng vấn Bùi Tín do ông Chủ Bá Anh thực hiện ngay trước chuyến đi Mỹ có thể nói lên một nguyên nhân chủ quan của thái độ này. Hỏi: "*Người Miền Nam Việt Nam từ trước đến nay thường có truyền thống đón tiếp nồng hậu tất cả những người từ bỏ chủ nghĩa cộng sản trở về phía quốc gia. Như trường hợp Trung Tá Huỳnh Cự khi trở về được mời làm phụ tá tổng trưởng Chiêu Hồi, nhà văn Xuân Vũ thì được trao giải thưởng văn chương của tổng thống VNCH, các nhạc sĩ Đoàn Chính, Bùi Thiện và hơn 80.000 cán binh khác trở về với hàng ngũ quốc gia cũng đều được đối đãi tử tế, vì vậy một khi ông đã dứt khoát từ bỏ đảng cộng sản thì không những không ai đe dọa, mà còn được sự đón tiếp nồng hậu nữa. Ông có tin như vậy không?*" (Phụ Nữ Diễm Đàn 93, tháng 10-91, trang 33).

Người đọc có thể tưởng tượng cuộc phỏng vấn này diễn ra cách đây 20 năm trên một tờ báo xuất bản tại Sài Gòn. Người được phỏng vấn vừa từ bỏ hàng ngũ cộng sản Bắc Việt theo chính sách chiêu hồi của chính thể Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng bây giờ là năm 1991. Chẳng còn chính thể VNCH nữa, chiêu hồi về với ai? Về phía quốc gia? Ai sẽ đứng ra đại diện "phía quốc gia" để "mở vòng tay thân ái đón tiếp người làm đường lạc lối trở về"?

Nếu còn tiếp tục quan niệm hành động đòi dân chủ hóa, tố cáo những sai lầm của chế độ - hoặc đi xa hơn nữa đòi dẹp bỏ chế độ - của những người trong đảng cộng sản như là những hành vi "chiêu hồi" thì e rằng còn lâu lắm mới thực hiện được hòa giải.

Nếu chỉ chấp nhận được những người trong hàng ngũ cộng sản đã "dứt khoát từ bỏ đảng" hiểu theo nghĩa là phủ nhận tất cả quá khứ của mình, phủ nhận tất cả những gì các lãnh tụ - từ Hồ Chí Minh trở xuống - đã làm từ ngày có đảng cộng sản Việt Nam trên đất nước, nói theo kiểu Pháp "lộn trái áo vét" thì "phía quốc gia" sẽ chỉ được thêm những "hàng thần lơ lảo" trong hàng ngũ của mình.

Trên mặt báo này đã nói nhiều về hòa giải dân tộc, và đã gây nhiều tranh cãi. Một lập luận thường được nghe là dân tộc ta không có gì để hòa giải. Nếu những người cộng sản từ bỏ cộng sản để trở về với dân tộc thì được chấp nhận ngay như anh em, có gì phải hòa giải? Cái khó là "về với dân tộc" thường được quan niệm như một sự quy thuận. Và điều này, những người đã từng ở trong hàng ngũ cộng sản không chấp nhận.

Trong quá khứ đã có hai phe thù nghịch, nay một phe đã dứt điểm phe kia và đã áp đặt chế độ của mình lên cả nước. Mười sáu năm qua, chế độ đó đã chỉ gây thêm hận thù bằng những biện pháp phân biệt đối xử. Đồng thời lối quản lý đất nước vừa tồi dở vừa vô trách nhiệm đã đưa cả nước xuống hố sâu nghèo đói. Ai cũng thấy điều đó, và ai cũng muốn thay đổi, ngoại trừ một số rất ít thiên cận và giáo điều. Những người trong guồng máy đảng và nhà nước có ý chí thay đổi thực sự cần phải liên kết với những người phía đối lập, trong đó có cộng đồng người Việt tị nạn.

Nhưng kết hợp không có nghĩa là phải đầu hàng vô điều kiện, phải đứng ra thú nhận tội lỗi, phải từ bỏ tất cả quá khứ của mình. Những người thuộc phe quốc gia trước đây nhân danh gì để đòi họ phải hành động như vậy?

Ngược lại, những người quốc gia cũ cũng không có lý do gì để phải trải thảm đỏ tôn người này người nọ lên như một lãnh tụ, chỉ vì người đó từ trong hàng ngũ cộng sản ra, và đã giữ một chức vụ nào đó trong guồng máy cộng sản.

Lý do của thất vọng là vì đã có hai tâm lý xung khắc nhau cùng một lúc: vừa thần tượng hóa họ, lại vừa muốn họ phải đầu hàng toàn bộ.

Hòa giải đích thực chỉ có thể có giữa những người có thiện ý muốn hòa giải, quên những hận thù và chia rẽ của quá khứ, coi nhau ngang hàng như anh em. Không ai phải xin lỗi ai, không ai phải ân xá ai, không ai phải "chiêu hồi" ai. Từ đó mới có thể tạo dựng được một tập hợp dân tộc mới, và từ đó sẽ nảy sinh ra những người lãnh đạo tương lai của đất nước, không phải dựa trên chức vị trong quá khứ của mỗi người, mà dựa trên đức độ cũng như tài năng của những người đó.

Phạm Ngọc Lân

Theo vết xe đổ!

Đọc lại lịch sử Việt Nam vào giữa thế kỷ 19, mọi người đều có chung nhận định là vua quan nhà Nguyễn không nhận thức được tương quan quyền lực trên thế giới đã thay đổi, khuôn mẫu Khổng Mạnh không còn là giải pháp dẫn dắt xã hội ra khỏi bế tắc, uy quyền của triều đình suy giảm, dân chúng thụ động, do đó đã không chống cự nổi những xâm lấn từ bên ngoài, và bị mất nước.

Một trăm năm sau, những dấu hiệu không may của thời kỳ đã qua đang xuất hiện trở lại.

Bối cảnh xã hội Việt Nam vào giữa thế kỷ 19 rất là đen tối

Vào giữa thế kỷ 19, đất nước đã thống nhất nhưng mất hết sinh lực vì nội chiến quá kéo dài. Thay vì tập trung mọi nỗ lực để kiến tạo lại đất nước, vua quan nhà Nguyễn thi hành chính sách trả thù báo oán, phân biệt đối xử, bách hại công thần. Con cháu các dòng họ Lê, Mạc, Tây Sơn không có quyền được sống bình thường, nhiều người phải thay tên đổi họ để thoát chết, và người chết cũng không yên phần mồ mả. Chính sách đồng hóa cưỡng bách làm mất lòng các dân tộc thiểu số có mặt từ lâu tại miền Nam. Có nơi dân chúng còn hòa theo quân Pháp chống phá triều đình. Giặc già nổi lên khắp nơi, không nơi nào còn được coi là an ninh, kể cả kinh đô. Nhiều âm mưu khởi loạn đã xảy ra nhưng đều bị dập tắt trong máu lửa.

Bên ngoài chủ nghĩa thực dân bành trướng khắp nơi, các quốc gia yếu kém lạc hậu, không thích nghi, lần lượt bị xâm chiếm và mất chủ quyền. Nhìn lại bản đồ Đông Nam Á trước năm 1850, người Tây Ban Nha đã chiếm Phi Luật Tân từ hơn 300 năm, Anh và Pháp đã đổ bộ lên bán đảo Ấn Độ hơn 150 năm, Anh và Hòa Lan đã giành nhau quần đảo Nam Dương từ hơn 100 năm, Anh và Pháp tranh giành ảnh hưởng trên đất Thái Lan từ cuối những năm 1690, người Anh đã đánh bật người Hòa Lan ra khỏi Mã Lai và chiếm đảo này hơn 50 năm. Các cường quốc Châu Âu đã tranh giành nhau buôn bán với Trung Hoa và Nhật Bản từ đầu thế kỷ 16. Bồ Đào Nha đã đặt nền móng vững chắc tại Ma Cao cũng đã hơn 300 năm. Việt Nam và Đông Dương là vùng đất cuối cùng trong vùng chưa bị chiếm cứ, nhưng nhà Nguyễn vẫn hướng về Trung Hoa.

Triết lý Khổng Mạnh, kim chỉ nam của triều đình, bị văn minh vật chất Tây Phương lấn áp và ngày càng xơ cứng, lạc hậu. Trung Hoa, chỗ dựa tinh thần của triều Nguyễn, cũng không giữ nổi lãnh thổ. Nhà Mãn Thanh phải ký nhiều hiệp ước "bất công" và bị các cường quốc Phương Tây bảo hộ trên nhiều phần lãnh thổ. Chính sách bế quan tỏa cảng, cấm và giết đạo, bắt chước Trung Hoa, khiến triều đình ngày càng bị cô lập.

Vua Tự Đức được nhiều sử gia ghi nhận là học giỏi, thông minh, có khiếu về thơ văn, nhưng lại quá bảo thủ. Những đề nghị cải cách của các ông Nguyễn Đức Hậu, Nguyễn Điều, Đinh Văn Điền, Nguyễn Hiệp, Lê Đình, Phan Liêm và Phạm Phú Thứ như nước đổ lá môn. Một

minh ông Nguyễn Trường Tộ, trong suốt 8 năm (1863-1871), đã viết tất cả 14 bản điều trần gửi cho vua và triều đình đề nghị hòa hoãn với Pháp, giao thiệp với tất cả các cường quốc, cải tổ việc cai trị, việc học và thi cử, binh bị, tài chính và kinh tế, nhưng những lời điều trần của ông không được nghe.

Binh lực Nguyễn triều sau nhiều năm hòa bình trở nên bạc nhược, mất hết tinh thần chiến đấu, đã có lúc phải nhờ đến quân Cờ Đen (người Hoa) đánh trả quân Pháp. Năm 1859, với hơn 10.000 quân, 200 khẩu đại bác, quan trấn thủ Gia Định Vũ Duy Ninh không chống cự nổi quá hai ngày trước mười chiến thuyền và hơn một ngàn quân Pháp. Năm 1873, với 170 binh lính và mấy chiếc tàu nhỏ, quân Pháp tiến chiếm để dàng thành Hà Nội trong vài giờ, và với số binh lính đó chỉ trong 20 ngày chiếm được cả ba tỉnh Ninh Bình, Nam Định và Hải Dương không gặp sức kháng cự. Dân chúng mất niềm tin vào triều đình trở nên thụ động. Việt Nam không còn đủ sức để tự vệ và đã buông tay.

Đất nước mất chủ quyền, dân tộc sống trong nỗi nhục của kiếp nô lệ. Giá mà người Việt Nam phải trả để khôi phục lại độc lập được tính bằng máu xương của hàng triệu người đã đổ ra sau đó.

Bối cảnh xã hội hiện nay cũng vô cùng đen tối.

Đất nước một lần nữa được thống nhất bằng bạo lực. Thay vì đi tìm một đồng thuận chung và thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, chính quyền cộng sản thi hành chính sách trả thù báo oán, phân biệt đối xử và cướp bóc công khai. Những người thua trận bị tù đày. Con cháu thành phần "ngụy quân, ngụy quyền" và của những gia đình tư sản bị loại ra khỏi sinh hoạt bình thường, nhiều người phải bỏ nước ra đi. Người Hoa bị xua ra khỏi nước, các sắc tộc Cao Nguyên bị bỏ đói. Sinh lực quốc gia, vốn đã kiệt quệ, bị đem dồn vào việc bành trướng chủ nghĩa, gây thù oán với các lân bang làm hao tổn rất nhiều sinh mạng và không đạt được mục tiêu nào hết.

Trong nước thuế khóa tăng cao, lạm phát phi mã, ngân sách thiếu hụt, đời sống ngày càng cơ cực, và không ai còn gì để đóng góp thêm nữa. Hơn 16 năm qua, chính quyền cộng sản chỉ làm toàn những chuyện đập phá đất nước: chặt cây phá rừng, đánh bắt cá con, xuất cảng con người, phá hoại xí nghiệp, v.v... Tệ nạn tham nhũng lan tràn, số tiền do cán bộ nhà nước gian lận cao gấp ba lần ngân sách nhà nước. Có nơi công an, bộ đội đứng ra bảo vệ những dịch vụ làm ăn bất chính để lấy tiền, nhiều nơi còn lấy cả trụ sở, văn phòng làm việc cho thuê. Nói chung tinh thần công an, bộ đội xuống dốc, không ai còn bận tâm đến chức năng giao phó mà chỉ nghĩ đến việc kiếm tiền.

Nạn buôn lậu, với sự tiếp tay của chính quyền, nay không còn kiểm soát nổi, tổng số thương vụ bất hợp pháp cao gấp bốn lần thương vụ của nhà nước. Tại những vùng biên giới, dân buôn lậu đã tổ chức thành những đạo quân hùng mạnh và trở thành một thứ kiêu binh nguy hiểm bất chấp chính quyền. Trộm cướp hoành hành, nhà giam không còn chỗ chứa, các tội phạm hình sự ra tù vô khám

nư chỗ không người, trật tự an ninh bị đe dọa. Thất học gia tăng, trẻ em bỏ học kiếm sống. Mãi đêm, bệnh tật tràn lan, quan hệ giữa người với người mất dần đạo đức. Đất nước đang trong tình trạng vô chính phủ, không ai nghe ai.

Những đòi hỏi về nhân quyền, dân chủ của nhân dân bị trấn áp. Nhiều người can đảm dám nói lên khát vọng tự do, dân chủ như Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, v.v... đều bị bắt giam. Nhiều nhân vật, từng theo chủ nghĩa cộng sản, lên tiếng đòi thay đổi chế độ cũng bị giam cầm hay bị trừ ếm. Những đề nghị cải cách không được màng tới.

Bên ngoài, thế giới đang thay đổi. Ý thức hệ vô sản, kim chỉ nam của ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam, đang được mai táng. Đế quốc Liên Xô, hậu phương lớn của chế độ, tan rã. Tình nghĩa xã hội chủ nghĩa anh em không còn. Như một quán tính, chính quyền cộng sản Việt Nam đang hướng về Trung Quốc mặc dầu biết rõ Trung Quốc cũng đang bối rối trước sự thay đổi của thế giới và cũng không làm được gì cho chính nhân dân của họ. Hy vọng đi tìm một liên minh mới để giữ chính quyền, đảng cộng sản Việt Nam chỉ nghĩ đến quyền lợi của riêng họ chứ không vì lợi ích của nhân dân và đất nước. Đất nước đang đi theo vết xe đổ của thời kỳ đã qua.

Trong khi đó, chung quanh chúng ta các quốc gia Đông Nam Á ngày càng phát triển kinh tế và tiến nhanh đến đỉnh phần vinh. Nhiều quốc gia trong vùng xem Việt Nam như một con mồi cần phải chinh phục và thiết lập ảnh hưởng. Đội quân viễn chinh ngày nay không đến bằng súng đạn mà bằng sức mạnh của tiền bạc với sự tiếp tay của một số quan chức chính quyền và thành phần thương nhân bất hảo. Những người ngoại quốc này đang trở thành những chủ nhân ông mới trong xã hội Việt Nam. Có lúc Thái Lan đã thành thật đề nghị ba nước Đông Dương và Miến Điện làm thuộc địa kinh tế, lấy đồng bath làm đơn vị trao đổi. Dân chúng trong nước, bất mãn với chính quyền, trở nên thụ động và gần như chấp nhận sống dưới sự khống chế của những quốc gia mới giàu này. Doanh nhân Việt Nam bất lực và hoàn toàn vắng mặt. Khi không còn khả năng làm chủ kinh tế, chúng ta khó hy vọng giữ vững độc lập chính trị.

Đất nước đã quá kiệt quệ và không còn đủ sức để tự vệ trước sự xâm nhập ồ ạt của tư bản quốc tế và tư bản trong vùng. Nguy cơ mất chủ quyền đang hiện ra trước mắt.

Trong cuộc chạy đua về mức phần vinh, chế độ cộng sản Việt Nam không phải là đáp số và là tảng đá cản bước tiến. Bài toán xã hội hiện nay đòi hỏi những thành phần nhân sự mới với nhận thức mới, có khả năng để có thể dẫn đưa đất nước ra khỏi bế tắc và tránh họa mất chủ quyền. Lịch sử không thể lặp lại những sai lầm đã qua. Máu xương của dân tộc không thể đổ ra thêm một lần nữa vì những sai lầm của chính quyền hiện nay.

Đã đến lúc phải đối thoại và đối thoại nghiêm chỉnh để tìm một đáp số mới. Chúng ta không còn thì giờ nào để mất.

Nguyễn Văn Huy

Nói chuyện với

Nguyễn Hồi Thủ

Nguyễn Hồi Thủ, tên thật Nguyễn Khôi Minh, 46 tuổi, sau khi đậu cử nhân Luật và Văn Khoa năm 1966 tại Sài Gòn, được học bổng của chính phủ Nhật để tu nghiệp về ngoại giao trong hai năm. Sau đó sang Pháp, tốt nghiệp Cao Học Kinh Tế Xã Hội tại Đại Học Paris I, rồi tốt nghiệp các trường Institut Français de Presse và Centre d'Etudes Supérieures du Tourisme.

Trước 1975, Nguyễn Hồi Thủ dành nhiều cảm tình cho phe cộng sản, sau 1975 đã nhiều lần đi lại và kinh doanh tích cực tại Việt Nam. Trước khi về Việt Nam lần đầu năm 1980, Nguyễn Hồi Thủ đã xuất bản ba tập thơ: Đi Trong Bóng Tối (1967), Những Bài Thơ Trên Nón (1969) và Chợt Nhớ (1978). Những chuyến đi về Việt Nam đã để lại những tâm tư trong các tác phẩm Tiếng Kêu Thương (Thơ, 1982), Vững Nước Bùn Lầy (Thơ, 1986), Trên Đường Về Nhớ Đây (Văn, 1989).

Ngày 13-11-1991 tại Paris, Nguyễn Hồi Thủ nói chuyện với Thông Luận. Trích dẫn:

Anh đi lại Việt Nam khá thường xuyên ...

- Năm 1980, có dịp "may" có thể hồi hương, tôi đã sửa soạn. Nhưng sau vài tháng ở Việt Nam, điều rất buồn là tôi cảm thấy không thể sống và làm việc được ở trong nước. Đến năm 1983, sau lần dẫn một đoàn du lịch về, tôi đã khẳng định cái cảm tưởng 3 năm trước và để thích nghi với hoàn cảnh mới, tôi đã mất mấy năm trời để đổi ngành và năm 1986 đổi cả quốc tịch. Đối với tôi, có thể xem như đó là một cuộc "vượt biên" tại Pháp.

Tôi lập công ty riêng chủ yếu làm ăn giữa Pháp, Nhật. Lần về thăm nhà năm 1988, tình cờ gặp một người bạn cũ, đã đưa tôi đến việc cùng lập một công ty máy tính, liên doanh với hiệp hội trí thức, đại học, bưu điện tại Thành Phố. Vốn chủ yếu do chúng tôi bỏ ra, các cơ quan, hội đoàn nhà nước chỉ đóng góp mặt bằng, phương tiện. Những năm sau đó, tôi về mỗi năm nhiều lần, có năm ở tổng cộng đến 6 tháng. Trong giai đoạn đầu vì làm Giám Đốc Kinh Doanh, tôi cũng phải đi một số nước xã hội chủ nghĩa khác để tìm khách hàng. Hiện công ty này hoạt động với khoảng 130 nhân viên và rất may vẫn còn sống được. Tôi chỉ còn giữ chức vụ Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm vi, vì những người lập ra công ty này đến nay hầu như không còn nắm được nó mặc dù vẫn còn toàn bộ vốn trong đó.

Trong những lần về, tôi cũng có dẫn một số bạn bè Pháp và Nhật vào đầu tư, nhưng đến nay chưa có kết quả rõ ràng hoặc đã thất bại.

Kỳ vừa rồi anh cũng sắp về tại Việt Nam nhưng hình như có vấn đề?

- Lần chót tôi về vào tháng 7-1990, bị kêu lên công an TP/HCM và Hà Nội nhiều lần để "giải thích" về việc ký vào mấy bản tâm thư. Sau đó những công ty làm việc với tôi cũng bị điều tra. Tưởng như vậy là xong, vì công ty tôi cho biết đã xin được cho tôi visa về lại cuối tháng 9-1990 và

người cấp visa ở sứ quán Việt Nam tại Pháp cũng xác nhận qua điện thoại. Nhưng khi tôi đến lấy visa thì người ấy lại bảo không tìm thấy bức điện nữa. Tôi có viết thư lên sứ quán về việc này, nhưng đến nay vẫn chưa được trả lời.

Nếu tôi không lầm, đây là một điều vi phạm luật đầu tư mà nhà nước Việt Nam đã công bố.

Nhà nước Việt Nam đang xiết lại về chính trị đồng thời chủ trương cởi mở kinh tế?

- Tôi nghĩ sự chuyên chế ở một vài nước còn có thể tạm chấp nhận được nếu nó không xung khắc với sự phát triển kinh tế, còn không đó chỉ là một sự độc tài vô ích đối với nhân dân và có ích đối với tầng lớp lãnh đạo. Ở Việt Nam như thế nào, có lẽ phải nắm sát thực tế hơn trong giai đoạn vừa qua và chờ kết quả một ít lâu nữa. Tuy nhiên, tôi nghĩ một con người, nếu được giải phóng, nếu được sống ra con người với những tự do tối thiểu được thật sự tôn trọng, vẫn đóng góp về mặt kinh tế tích cực và hiệu quả hơn là một con người bị trói. Việc "cởi trói" một dân tộc cũng như việc biến nền kinh tế "XHCH" ra kinh tế thị trường là hai việc đòi hỏi những nhà lãnh đạo có tầm lòng cũng đã được cởi trói, có tầm nhìn và có tài. Nếu không đồng thời làm được cả hai chuyện này ở Việt Nam, tôi nghĩ tất cả rồi sẽ chỉ là chuyện "Chí Phèo". Nhiều nước rất sợ một biến động lớn ở Trung Quốc đưa đến tình trạng dân Trung Quốc - vốn cả tỷ người - bỏ nước ra đi hàng loạt, nên Trung Quốc vẫn có nhiều điều kiện để thực thi chính sách thắt cái này mở cái kia. Ở Việt Nam không như vậy và tình trạng người Việt Nam bỏ ra đi hàng loạt cũng đang chấm dứt.

Kinh doanh tại Việt Nam hiện nay gặp những vấn đề nào?

- Khu vực quốc doanh đang phá sản, khu vực tư doanh đang manh nha, trong một môi trường mà chủ nghĩa tạm bợ, chụp giật, trấn lột trở thành phổ biến, cái khó khăn nói chung vẫn là người kinh doanh không thể đơn thuần dựa trên giá cả, trong khi đó những yếu tố có khả năng chi phối, quyết định khác lại rất khó tiếp cận hoặc biến động thường xuyên, đột ngột như phương thức thanh toán, luật lệ thuế má, thủ tục, người nắm quyền quyết định tối hậu...

Đối với một cá nhân để có thể thành công có hai luật chơi cơ bản:

- Đã là dân "phe" thì phải cam mờ, không được phát biểu, không được có ý kiến gì trên mặt tư tưởng. Nếu được hỏi thì phải trả lời một cách thỏa hiệp nịnh bợ.

- Phải biết vận dụng những khía cạnh kinh doanh khác (ô dù, móc ngoặc, đút lót, ảnh hưởng chính trị...)

Cả hai điều này tôi đều không làm được. Điều thứ nhất vì tôi trọng sự thực, điều thứ hai vì tôi vốn sợ những trò chơi nguy hiểm.

Anh có khả năng kinh doanh thành công tại hải ngoại, tại sao kiên trì làm ăn với Việt Nam?

- Tôi vẫn làm ăn với các nước khác, nhưng vẫn nghĩ người

Việt Nam làm ăn với Việt Nam là một lẽ tự nhiên. Sự liên hệ này phải là một liên hệ quyền lợi bình thường và bình đẳng. Vì qua những việc kinh doanh dù nhỏ hẹp, người Việt ở nước ngoài vẫn có thể trợ giúp tích cực, trực tiếp gia đình, bè bạn vượt qua được sự nghèo túng kinh hoàng một phần nào. Nếu tạo được ít công ăn việc làm vẫn hơn chỉ đơn thuần gửi tiền về, đó là chưa nói đến nhu cầu tinh thần, tình cảm.

Ngoài nghề kỹ sư, anh còn là nhà văn, nhà thơ...

- Năm 1986, tôi chỉ được đào tạo về máy tính một thời gian ngắn bên Nhật, tôi không phải là kỹ sư, càng không phải là nhà thơ, nhà văn chuyên nghiệp, chỉ viết trong lúc rỗi rãi hay có thôi thúc. Vì có một số được đăng lại trong nước trước năm 1975 và một số được trích dẫn trong những tuyển tập sau này nên tôi vẫn bị xem là nhà thơ "cộng sản" trong cái nền văn nghệ toàn màu sắc chính trị ở nước ngoài, thậm chí có nơi còn tưởng tôi là người đang sống ở Việt Nam.

Còn việc viết lách của tôi hoàn toàn không dính líu gì đến việc kinh doanh, vì người viết lách ở Việt Nam thường không biết gì về kinh doanh, chỉ biết được sự nghèo túng và sợ hãi.

Anh quen biết nhiều văn nghệ sĩ trong nước...

- Trong những lần về Việt Nam, vì duyên văn nghệ tôi được gặp một số người cầm bút, không nhiều lắm, nhưng khá nhiều "thành phần", dĩ nhiên trong đó có cả những người hiện đang bị tù như Dương Thu Hương, hiện đang bị quản thúc như Nguyễn Huy Thiệp... Đó là những tài năng may mắn ngoi lên được trong cái khoảnh khắc thả lỏng của nền văn nghệ "XHCH", còn biết bao tài năng khác đã bị vùi lấp trong cái nghèo nàn và tù túng của sự chuyên chế đó!

Dĩ nhiên việc giao du tương đối thận trọng này của tôi cũng đã bị công an cảnh cáo và hành lý tôi thường đặc biệt được khám kỹ.

Anh có dự án gì cho việc kinh doanh với Việt Nam?

- Trong những lúc đi buôn bán phần mềm (software) giữa Pháp và Nhật, tôi có dự định đưa một số người Việt Nam trẻ có tay nghề trong ngành tin học ra nước ngoài để học và làm việc với các công ty Pháp, Nhật. Sau đó những người này sẽ trở về lại Việt Nam làm những chefs de projet để nhận công việc về làm tại Việt Nam. Ở Pháp đã bắt đầu có người sang, ở Nhật hiện còn đang gặp vấn đề tiếng nói. Nhưng tôi nghĩ rồi cũng sẽ làm được nếu không có những khó khăn đặc biệt về phía Việt Nam. Và tôi cũng kêu gọi sự hỗ trợ của tất cả mọi người trong ngành này.

Anh đang chuẩn bị tác phẩm mới?

- Tôi đang chuẩn bị in một tập thơ nhỏ nhan đề "Nói Chuyện Một Mình", nói chuyện một mình cho đến lúc có visa để được gặp lại bạn bè bên nhà. Còn không thì cũng cứ tiếp tục nói chuyện một mình cũng chẳng sao! □

Co cụm

Anh bạn tôi đi dự một buổi thảo luận về tình hình đất nước về kể lại tôi nghe: "Có hai điều tôi thấy phấn khởi trong buổi họp này: một là lần đầu tiên trong một phòng họp có sự hiện diện của những người chống cộng và những người thân cộng - hay cựu thân cộng - mà không có to tiếng hằn học với nhau, hai là mọi người đều đồng ý trên một điểm, đó là cần có dân chủ đa nguyên ở Việt Nam." Anh cũng bình luận thêm: "Thực ra thì chẳng có gì ghê gớm trong điểm đồng ý này cả nhưng như thế đã là tích cực lắm rồi!" Rồi anh bạn kể lại những chi tiết đầy phấn khởi: ông Mai Viết Triết khen ông Bùi Tín có nhận định đúng về khối người Việt ở Đông Âu, khi họ về nước là một nhân tố thuận lợi cho cuộc đấu tranh trong nước, ông Bùi Tín xác nhận là đã phản bội những người phản bội nhân dân, ông Vương Văn Đông ví các tổ chức người Việt hải ngoại như những đường thẳng song song nay cần phải quy tụ, ông Bạch Thái Quốc đề nghị nên làm một kiến nghị cho ngoại trưởng Roland Dumas trước khi ông này đi Việt Nam để đòi chính quyền Việt Nam tôn trọng nhân quyền và thả các tù nhân chính trị, v.v....

Tôi mừng quá! Thì ra người Việt mình ở hải ngoại đang tự chữa bệnh, bệnh chia rẽ và chụp mũ! Chẳng cần đến thuốc của Tây, chính mình tự chữa lấy, thế mới tuyệt! Tôi lâu lâu vẫn nghe đây đó nói người Tây họ thương mình lắm, họ muốn giúp mình mà chẳng biết phải nói chuyện với ai, vì cộng đồng mình chia rẽ quá, thời bây giờ họ đứng ra tổ chức cho mình "ngồi lại với nhau". Một hảo ý của các đảng dân chi phụ mẫu...

Tôi hí hửng đi rao giảng tin mừng. Một ngày mai tươi sáng đang chờ đón chúng ta. Chế độ độc đoán chắc chắn bị dẹp bỏ, nước Việt sắp đi vào con đường xóa bỏ hận thù, mọi người Việt sẽ cùng nhau xây dựng đất nước. Tay trong tay...

Dang thao thao bất tuyệt với một ông bạn về hòa khí trong buổi họp ngày 6-10-91 và những triển vọng tương lai, thì ông bạn rất đổi ngạc nhiên về sự hồ hởi của tôi, mà ông cho là vô cơ. Rồi ông đưa tôi xem một bài viết trong tờ Diễn Đàn số 2, tựa đề "Về một buổi họp". Tôi đã nghe nói nhiều về tờ Diễn Đàn từ khi nó sắp ra đời, nhưng đến bây giờ mới được đọc. Nhóm chủ trương Diễn Đàn trước kia thuộc ban biên tập Đoàn Kết, nay hết chịu nổi kềm kẹp nên quyết chí tự lập. Tôi vẫn chờ đợi đọc tờ Diễn Đàn với nhiều cảm tình.

Bài báo "Về một buổi họp" làm tôi hụt hẫng. Giữa những gì tôi đã nghe và những gì tôi được đọc bây giờ là cả một trời một vực. Nếu chỉ đọc bài này không thôi, chắc chắn tôi sẽ nghĩ những người tổ chức buổi họp này đúng là những tay hoạt đầu chính trị, lừa thiên hạ tôi nói để "thảo luận" mà cuối cùng lại đòi "hành động", rồi lại dùng báo và đài để gán ghép tên tuổi người này "bên cạnh" tên tuổi người nọ, mà "người này" thì không hề muốn thấy tên mình gần tên "người nọ", và cũng chưa hề nhắc đến tên của "người nọ" trên báo của "người này", v.v....

Chẳng thấy nói lên điều gì tích cực trong buổi họp cả, ngược lại chỉ toàn "những điều không được hay đã diễn ra". Và sớ dĩ có bài báo cũng chỉ vì những điều đó: "những người chủ trì đã không giữ được một cuộc thảo luận khách quan, nghiêm chỉnh", "biến cuộc thảo luận thành một thứ mít-tinh, hoàn toàn giống kiểu "sách động quần chúng" đã lỗi thời". Có cả sự "hạch hợ" và "treo đầu dê bán thịt chó" nữa! Tác giả bài báo đã không hề "quên những tiêu chuẩn sơ đẳng của báo chí" như "một số báo và đài" đã bị bài báo lên án; ngược lại, đã rào đón cẩn thận "không có ý đi dự để đưa tin về buổi họp", nên đây không phải là một bản tin, vậy không cần phải tường thuật sự việc đã xảy ra như thế nào, có

gì là tích cực, có gì là tiêu cực. Đây chỉ là một loại "cài chính" vì "tên tuổi của mình được liệt kê vanh vách - bên cạnh những người mà tên họ chưa hề xuất hiện trên mặt báo Diễn Đàn - gán cho họ ý muốn "liên hiệp hành động" và phong chức là sẽ đi hàng đầu một cuộc biểu tình".

Ồi! Sao cuộc đời nó rắc rối đến thế! Ông bạn tôi lại phải một màn an ủi tôi, rằng thì là tôi khờ khạo mới thấy nó rắc rối đấy thôi, chứ nếu tôi biết thâm cung bí sử của sự việc thì chẳng có gì rắc rối đâu!

Thâm cung bí sử người ta làm sao mình biết được, nên tôi định bụng đi tìm xem "báo" và "đài" nào đã quên cả những tiêu chuẩn sơ đẳng của báo chí như thế? Thì ông bạn thông biết mọi sự của tôi chia ngay ra một bản tin của ông Chủ Bá Anh, đề là CBA News, 10-10-91. Đúng là kể tên vanh vách những người tham dự, không những tên mà còn cả nghề nghiệp, thành phần chính trị bấy giờ và ngày xưa, hoạt động trong phe nào, v.v... Những chi tiết đưa ra rất phong phú và có vẻ là chính xác (hàng thông tấn mà!), nhưng khi đọc thấy ông Trần Huy Hoàn được phong chức "người điều hành trung tâm Huấn Nghệ cho trẻ em tại Paris" thì tôi ngỡ ra, mà chắc ông Hoàn bạn tôi cũng phải ngỡ ra. Nhưng đó chỉ là sơ xuất không đáng kể, giạt gân hơn cả là cuối bản tin nêu ra ba công việc cụ thể, trong đó có việc "vận động đồng đảo đồng bào Paris tham gia cuộc biểu tình đi đến sứ quán Hà Nội đòi trả tự do cho tất cả những người còn bị giam giữ vì bất đồng chính kiến. Dẫn đầu cuộc biểu tình là những cựu đảng viên cộng sản nay đã từ bỏ đảng như cựu đại tá Bùi Tín, giáo sư Võ Nhân Trí và đồng đảo những người trong nhóm Việt Kiều Yêu Nước nay bước sang hàng ngũ người Việt Tự Do ở Hải Ngoại".

Muốn giạt gân thì quả là giạt gân! Cực kỳ! Nghe ghê quá! Hỏi ra mới biết là quả có một người trong cử tọa nghe ông Bùi Tín phát biểu xong, nổi hứng xông lên đề nghị chuyện này thật. Nếu chỉ vì một người phát biểu như vậy mà dám gán cho ban tổ chức là "đi đến công việc cụ thể" thì chả trách báo Diễn Đàn phang ông Chủ Bá Anh là "quên cả những tiêu chuẩn sơ đẳng của báo chí"!

Nhưng từ đó để kết tội nặng nề những người tổ chức buổi họp là "quên chữ tín" thì quả thật phải có thâm cung bí sử gì đằng sau. Một buổi họp công khai như vậy, với những thành phần đa dạng như vậy, trong bầu không khí tự do phát biểu như vậy, làm sao cấm người này người nọ phát biểu, dù là có ra ngoài chủ trương lúc đầu của ban tổ chức? Cái chính là đã không có mặt sát nhau, như bạn tôi kể lại, và cuối cùng ban tổ chức cũng đã tôn trọng ý định khi mời họp là không có biểu quyết lấy quyết định gì cả, chỉ những ai đồng ý thì hẹn gặp lại dịp khác để bàn chuyện hành động.

Còn tên tuổi được kể vanh vách là một cái tội của ban tổ chức ư? Trong phòng họp có cả đặc phái viên của CBA News, thì những người có mặt, dù chỉ tới vì "rảnh rỗi", làm sao có thể cấm người phóng viên nêu tên ra? Đây có phải là một cuộc họp bí mật kiểu chi bộ đảng cộng sản đâu?

Và cái làm tôi thực sự khó chịu trong bài báo trên có lẽ là cái giọng của người viết: "... cái vinh dự khá công kênh là được thấy tên tuổi của mình được liệt kê vanh vách - bên cạnh những người mà tên họ chưa hề xuất hiện trên mặt báo Diễn Đàn - ..."

Thì ra thế. Các anh là hạng người gì mà tên tôi lại phải nằm cạnh tên anh?

Suy nghĩ mãi tôi mới tìm ra hai chữ cho cái thái độ đó, hai chữ mà Đoàn Kết trước đây đã dùng để chỉ những người lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam: co cụm.

Phù Du

Thực trạng của ngành thanh tra

Trong Thông Luận số 43, chúng tôi đã loan tin là trong vòng một năm qua ngành Thanh Tra đã lập được 19.220 vụ tham nhũng, biên thủ của nhà nước một số tiền gần 2 tỷ đô-la Mỹ (gấp hai lần ngân sách nhà nước năm 1991) và 1.510 tỷ đồng VN (gấp ba lần ngân sách giáo dục) và hơn 1.253 lượng vàng và 33.895 tấn thóc. Những con số kinh khủng này thực ra chỉ là một phần nhỏ của sự thực vì ngành Thanh Tra không có khả năng đề hoạt động hữu hiệu. Đề giúp độc giả có một ý niệm rõ rệt hơn về tệ nạn tham nhũng, chúng tôi xin đăng sau đây nguyên văn bài phỏng vấn ông Lê Quang Thâm (LQT), Phó Tổng Thanh Tra Nhà Nước. Bài này lấy từ báo Tuổi Trẻ (TT) ngày 8-10-1991 với tựa đề Tại Sao Thanh Tra Chưa Thể Là "Bao Công"? do ký giả Huy Đức thực hiện.

- TT: *Nạn tham nhũng như sâu một đục ruỗng sức sống của nền kinh tế, đời sống xã hội, làm suy yếu sức mạnh của Đảng và bộ máy Nhà nước, xói mòn lòng tin của nhân dân. Đảng, Nhà nước đã giao cho Thanh tra trách nhiệm phát hiện tiêu cực, chống tham nhũng, nhưng tại sao hiệu quả chưa cao, thanh tra chưa thể là Bao Công như ông đã thừa nhận?*

- LQT: Tôi không né tránh vấn đề nào của nhà báo đặt ra nhưng điều này tuy có thể nêu gọn trong một câu hỏi, lại không thể làm thỏa mãn chỉ bằng một câu trả lời...

- TT: *Vậy xin ông bắt đầu từ cấp Bộ, hình như Thanh tra Nhà nước đang đứng ngoài các vấn đề tiêu cực ở các cơ quan thuộc cấp Bộ?*

- LQT: Theo nguyên tắc quản lý về công tác thanh tra, việc xảy ra ở cấp Bộ nào thì do Thanh tra của Bộ đó làm. Nếu Bộ không làm thì có chỉ đạo của Hội Đồng Bộ Trưởng (HDBT), Thanh tra Nhà nước (TTNN) mới làm. Pháp lệnh thanh tra có xác định thanh tra Bộ thuộc hệ thống TTNN, nhưng trên thực tế Thanh tra của các Bộ phụ thuộc hoàn toàn vào lãnh đạo Bộ. Thanh tra Bộ chỉ tổ chức những cuộc thanh tra theo chỉ đạo của Bộ. Theo ghi nhận của chúng tôi, chưa có cuộc thanh tra nào ở Bộ do tự ngành thanh tra tổ chức. Do vậy, hiệu quả thanh tra phụ thuộc vào việc lãnh đạo Bộ có đánh giá tới tiêu cực, có kiên quyết chống tiêu cực hay không? Có trường hợp như ở Bộ Nông Nghiệp và Công Nghiệp Thực Phẩm (NNCNTP), ông Thứ trưởng Nguyễn Thiện Luân vừa là người chịu trách nhiệm trực tiếp trong vụ 51,8 tấn bột ngọt đang bị thanh tra của Bộ. Thậm chí, khi có Quyết định 240 của HDBT về chống tham nhũng, ông Nguyễn Thiện Luân còn là Thường trực ban chỉ đạo chống tham nhũng của Bộ NN CNTP.

Thanh tra Bộ với những hạn chế kể trên, lại thiếu, nhất là các Bộ chưa chú trọng tổ chức lực lượng thanh tra cho phía Nam nên các vụ việc thuộc Bộ hiện vẫn còn tồn đọng nhiều.

- TT: *Có bao giờ TTNN gặp sự ngăn cản thi hành công vụ của các Bộ?*

- LQT: Khi thanh tra vụ 51,8 tấn bột ngọt, Bộ NN CNTP có công văn chỉ đạo Nhà máy không cung cấp số liệu năm 1984 cho chúng tôi (vấn đề là điều này không ghi trong quyết định thanh tra). Công văn do Thứ trưởng Vũ Tuyên Hoàng ký. Sau này khi làm rõ, Thứ trưởng Vũ Tuyên Hoàng có nói: ông không nắm rõ vấn đề, khi đưa ông ký công văn soạn sẵn này, cán bộ thuộc cấp cho biết là lãnh đạo Bộ đã bàn nhưng hôm đó đi vắng (!) nên đề nghị

anh ký thay (Thứ trưởng Vũ Tuyên Hoàng chỉ là người phụ trách công tác khoa học - kỹ thuật). Khi tìm hiểu, chúng tôi thấy ở đó đã có một sự sắp xếp.

- TT: *Thưa ông, đối với những vụ việc TTNN đã tiến hành và có kết luận nhưng vẫn bị kéo dài dây dưa, thì trách nhiệm thuộc về các Bộ hay Thanh tra?*

- LQT: Theo nguyên tắc, khi kết luận Thanh tra phải trao đổi với Bộ chủ quản. Trong trường hợp hai bên có ý kiến trái ngược nhau thì TTNN được quyền giữ ý kiến của mình. Trên thực tế, qua những cuộc thanh tra ở các ngành như Cục Dự Trữ Quốc Gia, ngành tài chính, ngân hàng, không khi nào giữa Bộ chủ quản và TTNN không có ý kiến trái ngược nhau. Trong tình huống như thế, chúng tôi phải chờ kết luận xử lý cuối cùng của HDBT.

- TT: *Như vậy phải chăng TTNN không có thực quyền?*

- LQT: Khi nghiên cứu ban hành Pháp lệnh thanh tra, các cơ quan dự thảo đã nhận xét pháp lệnh thanh tra có nâng lên một bước vai trò, quyền hạn của Thanh tra so với trước đây nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Nói TTNN nhưng thực tế Thanh tra vẫn là Thanh tra của HDBT, của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) các cấp, hoạt động dưới quyền của các cấp này, cán bộ do HDBT hoặc UBND bổ nhiệm, bãi nhiệm, tăng lương v.v... Việc xử lý lại hoàn toàn phụ thuộc vào HDBT, UBND.

Thật ra pháp lệnh cũng có giao cho Tổng thanh tra quyền kết luận các đơn tố cáo liên quan đến các Bộ trưởng, các chủ tịch tỉnh. Nhưng cho đến nay Tổng thanh tra cũng chưa làm được vụ nào.

- TT: *Chưa làm được vụ nào vì chưa xảy ra hay xảy ra mà không làm được?*

- LQT: Trao cho Tổng thanh tra quyền hạn như vậy, nhưng với những cán bộ cấp Bộ trưởng, chủ tịch tỉnh, thành phố thì dù có bị tố cáo, cũng phải xem xét nhiều mặt và có khi cũng phải trao đổi, xin ý kiến HDBT. Như vậy, quyền hạn có giao nhưng cách làm vẫn nằm trong một mối quan hệ ràng buộc phức tạp chứ không thể một mình Tổng thanh tra quyết định được.

- TT: *Thưa ông, việc thanh tra ở các địa phương có thuận lợi hơn không? Chẳng hạn, một giám đốc ở thị xã Vĩnh Long (Cửu Long) có dấu hiệu tham nhũng, nhưng khi công an thực hiện lệnh bắt thì bị một lực lượng khác ngăn cản; hoặc ở một tỉnh khác có 100 trường hợp phạm tội đã xử phúc thẩm án tù nhưng còn kéo dài thời gian tại ngoại, TTNN đã có biện pháp gì hay chỉ dừng lại ở việc "tổng hợp báo cáo"?*

- LQT: Việc 100 trường hợp phạm tội đã xử phúc thẩm nhưng còn tại ngoại là thuộc thẩm quyền của ngành tòa án. Vụ ở Vĩnh Long, chúng tôi đã làm việc với lãnh đạo tỉnh, các đồng chí ở tỉnh hình như vẫn chưa thống nhất được cách xử lý với bên quân đội (viên giám đốc này ở một xí nghiệp thuộc Thị đội Vĩnh Long). Nói chung, với các vụ việc ở các địa phương, tuy TTNN có can thiệp tích cực nhưng vai trò của Thanh tra cũng chỉ dừng lại ở mức phân tích tình hình, đề xuất yêu cầu với địa phương, mang tính thương lượng chứ không phải ra lệnh nên họ có làm hay không Thanh tra cũng chịu.

- TT: *Vụ Lê Mai Ninh, thanh tra làm có kết luận nhanh, chuyển sang các cơ quan pháp luật điều tra, xét xử cũng nhanh, mức án rất nghiêm, có kinh nghiệm gì ở vụ này?*

- LQT: Lê Mai Ninh là một vụ tiêu cực của ngành quản lý tiền tệ thuộc Trung ương đóng tại địa phương. Khi làm, được địa phương ủng hộ, được các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phối hợp tích cực nên kết thúc nhanh. Đây là một vụ điển hình của công tác thanh tra, chống tham nhũng.

- TT: *Qua hồ sơ thanh tra cũng có nhiều vụ chúng cứ kết luận rõ*

ràng, không kém gì vụ Lê Mai Ninh nhưng việc xử lý bị kéo dài. Phải chăng chỉ có những vụ như Lê Mai Ninh không dính dáng gì tới địa phương thì mới giải quyết thuận lợi được?

- LQT: Nói chung, cứ vụ tiêu cực nào ít thế lực, ít dây mơ rễ má thì mới xử lý nhanh được.

- TT: Có bao giờ ông nhận được sự can thiệp như điện thoại hay thư từ cản trở các vụ thanh tra không?

- LQT: Trong vụ 51,8 tấn bột ngọt, có một vài vị gặp tôi nói ý của đồng chí lãnh đạo này, đồng chí lãnh đạo kia khuyên không nên tiếp tục. Ở các vụ khác thì không, chỉ có động viên, nhắc nhở. Vấn đề chính là khi đã có kết luận thanh tra rồi, đề nghị xử lý thì chậm trễ quá!

- TT: Thưa ông, dư luận có không ít những tai tiếng về các đoàn thanh tra, nhất là những chi tiêu tốn kém của cơ sở cho thanh tra?

- LQT: Đối tượng thanh tra luôn sẵn sàng đài thọ mọi chi phí cho đoàn thanh tra. Rồi tùy kết luận của Thanh tra, họ có thể báo hay không báo những chi phí tốn kém đó lên cấp trên. Đối với lực lượng TTNN, chúng tôi chỉ cho phép cán bộ thanh tra sử dụng sinh hoạt phí theo chế độ 3.000 đồng một ngày. Mức sinh hoạt phí này rất thấp nên cũng có trường hợp anh em đã để cơ sở tăng thêm chi phí cho khẩu phần ăn hàng ngày. Riêng lực lượng TTNN chúng tôi chưa nhận được phản ánh nào của cơ sở về sự gây "tốn kém" cho họ.

- TT: Là người trực tiếp tổ chức nhiều cuộc thanh tra, ông có thể phân tích những nguyên nhân thường gặp dẫn tới nạn tham nhũng?

- LQT: Tệ nạn tham nhũng hiện nay không chỉ phổ biến ở các ngành quản lý tiền, vàng, vật chất mà còn phát triển nặng ở cả trong các ngành như giáo dục (tệ hối lộ để tiết lộ đề thi...). Trong lãnh vực thi hành nghĩa vụ quân sự, có cả những vụ chủ tịch xã kết hợp với xã đội trưởng (ở huyện Gò Công, Tiền Giang) đặt ra những quy định để đòi hối lộ thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự. Trong các công việc hành chính, làm thủ tục gì có "xin xỏ" là phải có "điều kiện" chứ không phải được giải quyết theo chức trách. Đây là một hiện trạng đáng lo ngại. Tham nhũng phát sinh do cơ chế có những sơ hở, đây là cái gốc của các nguyên nhân, nhưng nạn tham nhũng phát triển còn xuất phát từ phẩm chất đạo đức của cán bộ. Điều này bắt nguồn từ việc giáo dục, bố trí cán bộ và xử lý những sai phạm của cán bộ không nghiêm, không kịp thời.

Tham nhũng là thực trạng vốn có, thanh tra làm lộ nguyên hình tham nhũng chứ không phải thanh tra sinh ra tham nhũng.

- TT: Thưa ông, bây giờ chắc ông đã có thể trả lời thẳng vào câu hỏi vì sao Thanh tra chưa thể là Bao Công?

- LQT: Ngày xưa khi Bao Công xử tội bọn gian thần, ông cũng gặp bao thế lực cản trở, thậm chí có cả chiếu chỉ. Nhưng ông cứ làm vì khi giao việc cho Bao Công, nhà vua cho ông đủ quyền để làm việc ấy.

Ngày nay phải thừa nhận rằng cán bộ thanh tra chưa có được tác phong quần chúng, sâu sát và kiên quyết như Bao Công, dù bị ngăn trở thế nào cũng phải tìm cho ra việc. Tuy nhiên, ngoài việc xác định Thanh tra đầu gian khổ cũng phải có trách nhiệm với nhân dân, phải làm tốt nhiệm vụ thì Thanh tra cần phải thể hiện quyền lực và phải được sự bảo hộ của quyền lực. Có đủ thực quyền thì Thanh tra mới có thể chống tham nhũng có hiệu quả.

THỜI SỰ... TIỀN

Hậu quả của chiến tranh Vùng Vịnh: Hội Nghị Madrid

Người thợ kiến trì đã gây dựng hội nghị Madrid cho phép đi đến một giải pháp hòa bình tại Trung Đông là ngoại trưởng Hoa Kỳ, James Baker. Những cố gắng du thuyết của ông đã thành công nhờ phần lớn vào chiến thuật khôn khéo mà ông đã dùng. Ông không đòi hỏi những nhượng bộ tiên quyết giữa Do Thái và Ả Rập cũng như đề ra một giải pháp "made in USA" cho vấn đề vì ông thừa biết rằng không bao giờ các phe tranh chấp cũng như các cường quốc sẽ chấp nhận vì tự ái dân tộc hoặc vì tự ái quốc gia. James Baker chỉ thăm dò các phe về những điều kiện mà họ không chấp nhận được để tham dự hội nghị. Ông đã cố gắng đi đi lại lại ở các thủ đô Trung Đông thương thuyết để các phe phải chấp nhận những điểm không chấp nhận được của đối phương. Một thí dụ điển hình nhất, Do Thái nhất quyết không chấp nhận phái đoàn Palestine riêng rẽ tham dự hội nghị, James Baker đã thuyết phục tổ chức Palestine chấp nhận điều không chấp nhận được của Do Thái và đi chung với phái đoàn Jordan. Hiên nhiên có đi phải có lại, có lẽ ngoại trưởng Baker đã thỏa thuận ngầm cho phái đoàn Palestine thời gian phát biểu (45 phút) bằng các phái đoàn khác trong ngày khai mạc hội nghị. Ngày khai mạc hội nghị, Palestine có tư cách không khác gì bất cứ phái đoàn khi có quyền ăn nói bình đẳng và Do Thái cũng được thỏa mãn khi trên hình thức không có một phái đoàn Palestine chính thức.

Nhờ những kỹ thuật ngoại giao trên, James Baker đã thành công quy tụ được những kẻ thù không đội trời chung trong bản hội nghị tại thủ đô Madrid vào ngày 30-10-1991. Một khi các phe đã ngồi lại nói chuyện với nhau, James Baker trông cậy vào động tính của hội nghị để thành hình một giải pháp cho vấn đề, chứ không áp đặt một giải pháp đã xếp đặt trước từ Nhà Trắng ở Washington D.C. Thái độ này làm đẹp lòng các cường quốc như Liên Xô, Anh, Pháp... vẫn muốn tránh tiếng theo đuổi Hoa Kỳ trong dư luận quốc tế cũng như quốc nội.

Sự chọn lựa thủ đô Madrid cũng đầy ý nghĩa. Tây Ban Nha trong khoảng thời gian từ đầu thế kỷ thứ 8 đến đầu thế kỷ thứ 12 đã chứng kiến thời đại vàng son mà dân tộc Do Thái và dân Hồi giáo chung sống với nhau trong tinh thần tương ái chung quanh hai thành phố Sevilla và Cordoba. Bản hội nghị khoáng đại hình chữ T cho phép hai phái đoàn Do Thái và Palestine không bị bắt buộc trực tiếp chạm trán, bắt tay nhau trước ống kính của phóng viên nhà báo và tuyên hình, nhưng lại cho phép họ ngồi đối diện nhau trong hội nghị. Một hình ảnh mang nhiều ý nghĩa là lần đầu tiên sau 44 năm từ ngày 27-11-1947, ngày mà Liên Hiệp Quốc đã nghị quyết chia hai mảnh đất Palestine để thành lập một quốc gia Do Thái và một quốc gia Palestine, đã đối diện nhìn nhau. Từ đối diện nhìn nhau đến nhìn nhận nhau có lẽ chỉ còn một bước gần.

Căn bản bàn cãi của hội nghị là nghị quyết số 242 của LHQ, được Hội Đồng Bảo An LHQ đồng thanh chấp thuận vào ngày 22-11-1967, năm tháng sau cuộc chiến tranh Sáu Ngày tại Trung Đông. Nghị quyết này khẳng định lại tinh thần của Hiến chương LHQ đòi hỏi thiết lập một nền hòa bình công bằng và lâu dài tại Trung Đông theo hai nguyên tắc. Trước hết Do Thái phải rút lui

THỜI SỰ... TON TỨC... THỜI SỰ...

khỏi các miền đất đã chiếm gần đây. Thứ hai là ngưng những đòi hỏi và tình trạng hiếu chiến, tôn trọng và chấp nhận chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của từng quốc gia trong vùng và quyền được sống yên lành trong các biên giới an toàn và được nhìn nhận, che chở, tránh khỏi các hăm dọa và hành động vũ lực.

Nghị quyết này đã là đề tài tranh cãi tại hai hội nghị để tái lập hòa bình tại Trung Đông, Genève tại Thụy Sĩ năm 1973 và Camp David tại Hoa Kỳ năm 1978, nhưng không đi đến một kết quả cụ thể nào. Then chốt của vấn đề là ở điểm Do Thái cho rằng, theo nghị quyết 242, họ không bắt buộc phải trả lại tất cả đất đai đã chiếm vì họ dựa vào bản văn tiếng Anh, chỉ nói đến sự rút lui ra khỏi đất (from territories... chứ không phải from the territories...) và cho rằng họ đã thi hành hoàn toàn nghị quyết khi trả lại cho Ai Cập miền đất Sinai. Ngoài ra, Tổ Chức Giải Phóng Palestine (PLO) là một hăm dọa vũ lực cho dân chúng Do Thái cũng như khối Hồi giáo chung quanh Do Thái không cho phép dân Do Thái sống trong an toàn. Trong khi đó thì khối Ả Rập đòi hỏi Do Thái phải trả lại các phần đất đã chiếm.

Hội nghị Madrid, để tránh những thất bại trong quá khứ, đã cố gắng tối đa về mọi mặt tổ chức để giúp hai bên giải quyết vấn đề. Trước hết là sự tham dự của các cường quốc sẽ đem đến một bảo đảm tinh thần có tầm vóc quốc tế cho hội nghị. Sau ba ngày hội nghị khoáng đại long trọng với sự tham dự của tất cả các phái đoàn, sẽ có những cuộc hội đàm tay đôi cho phép những kẻ thù được dịp kín đáo "xả bầu tâm sự". Sau cùng, hai tuần sau ngày khai mạc hội nghị, các nước sẽ tham dự hội nghị đa phương để giải quyết các vấn đề "vùng", chẳng hạn: nước (là một vấn đề lớn của các nước vùng sa mạc), tái giảm vũ khí, phát triển kinh tế, bảo vệ môi sinh, v.v...

Cưỡng bách hồi hương tái diễn

Thứ bảy 9-11-1991, một cuộc cưỡng bách hồi hương lại tái diễn trước ống kính các phương tiện truyền thông đại chúng tại sân bay Hồng Kông.

Đây là kết quả của thỏa ước cưỡng bách hồi hương những thuyền nhân ở Hồng Kông đã được ký kết giữa chính quyền Anh Quốc và Hà Nội ngày 29-10 vừa qua, sau nhiều lần họp và hoãn ký kết. Hơn 50.000 đồng bào bị từ khước quyền tị nạn ở Hồng Kông sẽ chịu số phận hồi hương cưỡng bách trong thời gian tới. Chương trình này dự trù kéo dài ba năm.

Trong đợt hồi hương cưỡng bách đầu tiên ngày thứ bảy 9-11 vừa qua, đã có 59 người bị trả về Việt Nam, gồm 20 đàn ông, 16 phụ nữ và 23 trẻ em, thuộc thành phần đã hồi hương một lần rồi lại trốn đi trở lại (double backers).

Từ ngày hôm trước, ngày 8-11, các ký giả đã chứng kiến cảnh 59 người được chở bằng phà từ trại giam đến phi trường được "hộ tống" bởi một số tương đương cảnh sát Hồng Kông, cả nam lẫn nữ, không vũ trang. Qua một đêm ngủ tại một nhà kho trông phi trường được sửa lại thành nhà ngủ, họ bị điệu lên một chiếc phi cơ đặc biệt C-130 bay thẳng về Hà Nội.

Những người chống cự đã bị lực lượng cảnh sát hùng hậu trấn áp dễ dàng. Báo chí đăng tải hình một phụ nữ đang vùng vẫy trên tay tám người cảnh sát đang "khiêng" phụ nữ này như một đồ vật.

Trong một buổi họp báo sau khi máy bay cất cánh, ông Clinton Leeks, giám đốc tị nạn của Hồng Kông cho hay đã phải còng tay một số đàn ông (ông nói là còng bằng nhựa) và chích thuốc an thần cho một số phụ nữ.

Khi đến Hà Nội, một thanh niên tên Nguyễn Văn Khang đã bị bắt giữ. Thỏa ước ký kết giữa Hà Nội và London nói rõ những người bị cưỡng bách hồi hương sẽ không bị bắt hoặc phân biệt đối xử và phải được trở về nguyên quán. Chính quyền Hà Nội giải thích việc bắt giữ Nguyễn Văn Khang là do một tội trạng đã vi phạm trước khi vượt biên lần thứ nhất. Ông Lê Xuân Khoa, giám đốc Trung Tâm Tác Vụ Đông Dương (IRAC) đã yêu cầu Cao Ủy Tị Nạn LHQ tại Genève làm sáng tỏ nội vụ. Ông cũng gửi văn thư cho phụ tá thứ trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ Richard Solomon để ông này nêu vấn đề cưỡng bách hồi hương với Hà Nội trong cuộc gặp gỡ với ông Trần Quang Cơ, thứ trưởng Ngoại Giao Hà Nội.

Cộng đồng thế giới và người Việt hải ngoại cũng lên án gắt gao hành động vô nhân đạo này. Các cuộc biểu tình đã được tổ chức tại Mỹ và Canada, phản đối chính quyền Anh Quốc và yêu cầu tổng thống Bush can thiệp. Cũng nên nhắc lại là lập trường chống cưỡng bách hồi hương rất rõ ràng của Hoa Kỳ trước đây nay đã mờ nhạt hẳn, và Hoa Kỳ không lên tiếng gì về việc cưỡng bách hồi hương vừa xảy ra.

Hàng ngàn đồng bào trong trại cấm Whitehead ở Hồng Kông đã biểu tình bất bạo động ngày 12-11-1991. Tại Anh, Đảng Lao Động lên tiếng phản đối "cách thức tổ chức cưỡng bách hồi hương". Tại Pháp, báo chí nhất loạt lên án hành động vô nhân đạo đó. Michel Tauriac trên Le Quotidien de Paris kêu gọi lương tâm thế giới và kết luận quốc tế "thay vì thương lượng sự trở về của thuyền nhân, nên thương lượng sự trở lại của dân chủ tại Việt Nam".

Ông Hoàng thức thời

Dang là học sinh trường trung học Pháp Chasseloup Laubat tại Sài Gòn, Norodom Sihanouk, lúc đó 19 tuổi, được chính quyền bảo hộ Pháp đưa về làm vua xứ Chùa Tháp năm 1941. Ngay trước khi quân Pháp thua trận Điện Biên Phủ, ông khéo léo đòi Pháp trả độc lập cho quốc gia ông, và ngay sau đó bãi bỏ nền quân chủ, thoái vị ngôi vua để trở thành quốc trưởng. Bắt đầu từ 1965, tuy tuyên bố trung lập, nhưng Sihanouk đã nhắm mắt cho bộ đội Bắc Việt thiết lập an toàn khu trên lãnh thổ của mình, trong một chính sách bài Mỹ rõ rệt. Mỹ bèn ủng hộ Lon Nol đảo chánh Sihanouk năm 1970. Sihanouk lưu vong lần thứ nhất, được Trung Quốc và Bắc Triều Tiên bảo trợ.

Khi Pol Pot lên cầm quyền năm 1975, Sihanouk được mời về làm quốc trưởng, nhưng chỉ ít lâu sau phải từ chức và bị giam lỏng trong dinh vua cũ. Khi Pol Pot bị quân Hà Nội đánh đuổi đầu năm 1979, Sihanouk lại được Trung Quốc mang đi Bắc Kinh, và lưu vong lần thứ hai.

Và cũng lại từ Bắc Kinh, gần 13 năm sau, ngày 14-11-1991 vừa qua, Sihanouk trở về trong vinh quang. Chính quyền Hun Sen tổ chức đón tiếp "người cha của dân tộc" vô cùng trọng thể. Dân chúng trưng hình của Sihanouk đứng đón từ phi trường về Phnom Penh, các cuộc vui được tổ chức mấy ngày liền, nhất là

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC...

cuộc lễ truyền thống bơi thuyền trên mặt Biển Hồ.

Sihanouk về nước với tư cách chủ tịch SNC (Hội Đồng Dân Tộc Tối Cao Kampuchea). Trong những ngày sau đó, hai phe còn lại của cựu liên minh kháng chiến cũng đến Phnom Penh: Son Sen, cựu trùm an ninh Khmer đỏ, cựu bộ trưởng Quốc phòng của Pol Pot, và Son Sann, lãnh tụ phe cộng hòa. Pol Pot đã chính thức rút khỏi chính trường, nhưng các nguồn tin ngoại giao đều cho biết Pol Pot vẫn là lãnh tụ trong bóng tối của Khmer đỏ.

Ngay những ngày đầu trở về nước, Sihanouk đã chứng tỏ tính thức thời của mình: ông liên kết chặt chẽ với chính quyền Hun Sen, gọi Hun Sen là "con" trước công chúng, và tố giác tội ác của Khmer đỏ đã giết hại hàng triệu người trong đó có con ông, và tố giác cả phe đã đảo chánh ông năm 1970 làm đất nước ông bị lôi cuốn vào cuộc chiến. Ông cũng tuyên bố không chống lại một tòa án xét xử Khmer đỏ, và "không thể tha thứ cho tội ác của Pol Pot, Yeng Sari và Ta Mok". Tuy nhiên ông vẫn tôn trọng hiệp định Paris, theo đó Khmer đỏ cũng có chỗ đứng của họ trong lòng SNC, và tuyên bố: "Tương lai sẽ do nhân dân quyết định".

Ông đã bắt đầu ngay cuộc tranh cử sắp tới trong một cuộc viếng thăm vùng phụ cận Phnom Penh khi ông kêu gọi bầu cho ông trong cương vị lãnh đạo quốc gia tương lai.

Về phía Hun Sen cũng có nhiều cố gắng. Đảng Nhân Dân Kampuchea đã họp Đại hội trước ngày ký Hiệp định Paris 23-10 và biến thể bằng cách chấp nhận đa nguyên chính trị và kinh tế thị trường, từ bỏ mọi quy chiếu về cộng sản. Ngày 20-11, bộ trưởng ngoại giao Hor Nam Hong long trọng tuyên bố "công nhận ông hoàng Sihanouk là quốc trưởng của cả nước Kampuchea, như trước ngày đảo chánh 18-03-1970".

Nhắc lại, ngày 24-10-1991, một ngày sau khi Hiệp Định Paris về Kampuchea được ký kết, chính quyền Hà Nội tuyên bố: "Đây là kết quả của tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc của các bên Kampuchea" và kết luận "Việt Nam mong rằng nhân dân Kampuchea trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc sẽ vượt qua được mọi khó khăn, thử thách, xây dựng đất nước Kampuchea giàu mạnh, đạt tới cuộc sống bình yên, ấm no, hạnh phúc".

Trông người lại ngắm đến ta...

Liên Hiệp Quốc đến Kampuchea

Sau hiệp định quốc tế về Kampuchea ký kết tại Paris ngày 23-10-1991, một phái đoàn chuẩn bị của LHQ được gửi đến Phnom Penh trước ngày Sihanouk và SNC về nước 14-11. Phái đoàn có tên là UNAMIC (United Nations Advance Mission in Cambodia) có nhiệm vụ mở đường cho UNTAC (United Nations Transitional Authority in Cambodia) tức Chính Quyền Chuyển Tiếp Liên Hiệp Quốc tại Kampuchea. UNTAC có nhiệm vụ vận hội hòa bình, tái định cư tị nạn trở về từ các trại Thái Lan, quản trị đất nước Kampuchea như một chính quyền lâm thời cho tới khi có tổng tuyển cử đầu năm 1993, và khơi mào công cuộc tái thiết.

Cầm đầu phái bộ quân sự của phái đoàn chuẩn bị UNAMIC là tướng Michel Loridon người Pháp. Phần đóng góp nhân sự của Pháp gồm 112 quân nhân, phần đến từ Bangkok, phần đến từ Sài Gòn qua đường hàng không cũng như đường bộ. Dân cư buôn bán tại Neak Leung, nơi có bến phà qua sông Cửu Long trên quốc lộ 1 từ Sài Gòn đi Phnom Penh đã trở mắt nhìn đoàn xe trắng với lính mắt xanh mũi lõ, đội mũ xanh da trời, mà chẳng hiểu chuyện

gì đã xảy ra. Đối với họ, Hiệp định Paris, UNIMAC hay UNTAC là chuyện của một hành tinh khác.

Nhưng đối với quốc tế, đây là một việc rất thiết thực, không những để vận hội hòa bình và xây dựng lại xứ Chùa Tháp, mà còn là vấn đề tranh giành ảnh hưởng trên bán đảo Đông Dương. Chỉ nội một chuyện rất nhỏ nhặt là chỉ định tướng Loridon người Pháp làm trưởng phái đoàn quân sự cũng đã gặp sự chống đối của Mỹ, dù ông này đã được chỉ định chính thức bởi tổng thư ký LHQ.

Dân chủ tại Zambia: tiến trình kiểu mẫu...

Ngày 31-10-1991, dân chúng Zambia đã đi bầu cùng một lúc quốc hội và tổng thống. Cựu tổng thống Kenneth Kaunda, nắm quyền liên tiếp từ 27 năm nay, đã phải nhường chức cho ông Frederick Chiluba, một lãnh tụ nghiệp đoàn.

Bắc Rhodesia là một cựu thuộc địa của Anh từ năm 1890 và được độc lập vào ngày 24-10-1964 với tên là Cộng Hòa Zambia. Zambia là một nước thuộc miền nam Châu Phi, rộng khoảng 750.000 km² với 7,5 triệu dân. Nguồn lợi chính là đồng, Zambia đứng vào hạng thứ năm trên thế giới về mặt sản xuất đồng.

Tổng thống đầu tiên của Zambia là Kenneth Kaunda, liên tục nắm quyền từ ngày độc lập. Kaunda sinh năm 1924, con thứ tám của một mỏ đồng. Học hết trung học, đi làm giáo viên, làm công trong một mỏ đồng và cuối cùng làm trại chủ. Ông đã đi vào con đường chính trị nhờ qua một hiệp hội trại chủ và vào năm 1953 trở thành tổng thư ký chi nhánh Bắc Rhodesia của đảng Liên Hiệp Quốc Gia Phi Châu (ANC), cùng đảng với Nelson Mandela tại Nam Phi bây giờ. Trong cuộc đời đấu tranh chính trị, Kaunda đã ném mù năm khám của thực dân Anh, ông bị hai tháng tù vào năm 1955 với tội danh tàng trữ sách cấm. Năm 1959, Kaunda bị 9 tháng tù. Sau khi ra khám, ông thành lập đảng Thống Nhất Cho Độc Lập Đất Nước (UNIP). Được bầu dân biểu vào Hội Đồng Lập Pháp năm 1962, và cùng với đảng UNIP, Kaunda đã thắng các cuộc bầu cử kế tiếp và trở thành thủ tướng trẻ nhất trong khối Thịnh Vượng Chung (Commonwealth). Với danh nghĩa thủ tướng, Kenneth Kaunda đã thương thuyết với Anh để Zambia trở thành một nước độc lập vào năm 1964. Kaunda trở thành tổng thống đầu tiên của Cộng Hòa Zambia và được liên tiếp tái cử vào chức vụ này mỗi 5 năm cho đến ngày hôm nay. Kaunda đã không đủ tầm vóc để đem đất nước vào con đường phát triển. Các mỏ đồng vẫn nằm trong vòng kiểm soát của các công ty quốc tế, ruộng đất bị bỏ hoang. Tình trạng khẩn trương này đã làm cho Kenneth Kaunda lấy nhiều quyết định sai lầm. Một trong những sai lầm to lớn nhất là tuyên bố chính thể độc đảng vào năm 1972. Những khó khăn kinh tế nội bộ cộng với sự mất giá trên thị trường quốc tế của đồng vào năm 1986 đã khiến cho Kaunda phải đối phó với các cuộc nổi loạn vì đói. Năm 1990, Kaunda bắt buộc phải từ bỏ chế độ độc tài, độc đảng vì sự chống đối của quần chúng và nhất là biểu tình của sinh viên tại các khu đại học. Phong Trào Đa Đảng và Dân Chủ (MMD) quy tụ trí thức, sinh viên và nghiệp đoàn do ông Frederik Chiluba lãnh đạo đã đặt Kenneth Kaunda trước một chọn lựa: mở cửa cho đa nguyên đa đảng hoặc chết. Kenneth Kaunda đã can đảm chọn con đường đa nguyên đa đảng.

Cuộc bầu cử đã diễn ra trong bầu không khí khá tự do và ngay thẳng. Có lẽ nhờ vào sự hiện diện của các quan sát viên quốc tế

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

có tầm vóc, như cựu tổng thống Mỹ Carter đích thân điều khiển một phái đoàn quan trọng có nhiệm vụ kiểm soát diễn biến của cuộc bầu cử. Khối Thịnh Vượng Chung (một tổ chức hữu danh vô thực) cũng gửi 12 nhân vật với nhiệm vụ tương tự. Không kể hai tổ chức độc lập Zambia đã tham gia vào công cuộc kiểm soát tính chất ngay thẳng của cuộc đầu phiếu. Đây là một công thức khá độc đáo. Chủ quyền quốc gia cũng như tự ái dân tộc được bảo toàn trọn vẹn vì các nhóm kiểm soát có tính chất hoàn toàn cá nhân, không xuất phát từ một chính quyền, một thế lực, một cường quốc hoặc của Liên Hiệp Quốc. Trái lại uy tín một nhân vật như Carter đủ để cho phe đối lập tin tưởng vào tính chất lương thiện của cuộc bầu cử.

Phải chăng đây là công thức màu nhiệm mà cả hai phe, cầm quyền và đối lập Việt Nam có thể dùng để tổ chức một cuộc bầu cử tự do lương thiện trong tương lai?

Hà Nội cố phá vỡ thế cô lập

Ngày 24-10-1991, một ngày sau khi Hiệp định Paris về Kampuchea được ký kết, ông Võ Văn Kiệt, thủ tướng chính quyền cộng sản Việt Nam đã khởi hành thăm viếng ba nước Indonesia, Singapore và Thái Lan trong một cố gắng mở đầu một giai đoạn bang giao và hợp tác mới với các nước trong vùng.

Tại Jakarta, chặng đầu tiên của cuộc thăm viếng, ông Kiệt đã ký một thỏa ước khuyến khích và bảo vệ đầu tư của Indonesia tại Việt Nam và một thỏa ước về chuyên chở hàng hóa. Hai bên cũng thỏa thuận sẽ tiến hành các cuộc thương thuyết về lãnh hải. Tại Bangkok, hai bên cũng đã ký những thỏa ước tương tự như tại Indonesia. Ông Kiệt tuyên bố sẵn sàng chấp nhận để Thái Lan thiết lập một Tòa lãnh sự tại Sài Gòn. Một số vấn đề vẫn còn khúc mắc: Thái Lan phiền trách Hà Nội có những liên hệ "không được phép" với nhóm Việt kiều miền Bắc Thái, ngược lại ông Kiệt cũng nói bóng gió là Thái Lan từng ủng hộ những phần tử chủ trương kháng chiến vũ trang chống Hà Nội. Chặng đường Singapore có lẽ quan trọng nhất: thủ tướng Goh Chok Thong tuyên bố hoan nghênh ý muốn của Việt Nam được ký vào Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác của ASEAN tại Bali năm 1976. Đây sẽ có thể là một bước tiến của Việt Nam đến chỗ gia nhập ASEAN.

Ông Kiệt chấm dứt chuyến công du ngày 1-11-1991 để bốn ngày sau đó tháp tùng ông Đỗ Mười trong chuyến viếng thăm Bắc Kinh. Tại đây, phái đoàn 29 người đã được tiếp đón tại quảng trường Thiên An Môn và ông Đỗ Mười đã họp trong vòng hơn 3 tiếng rưỡi đồng hồ với Tổng Thư Ký đảng cộng sản Trung Quốc Giang Trạch Dân. Trung Quốc đã nhắc nhở số nợ cũ của Hà Nội (186 triệu đô-la) và nhất là con số 200.000 người Hoa bị tống xuất hồi 1979. Vấn đề người Hoa này rất nhức nhối đối với Hà Nội vì phải giải quyết thế nào với tài sản của những người này đã bị tịch thu trái phép? Hai bên thỏa thuận sẽ giải quyết bằng những tham khảo khi cần thiết. Khi cần thiết, Bắc Kinh sẽ dùng điểm này để bắt bớ Hà Nội.

Chuyến đi đã chẳng mang lại lợi ích gì cho Việt Nam. Đã có thỏa thuận tái lập đường hòa xa giữa hai nước, đồng thời ký hai thỏa ước về mậu dịch và biên giới. Rời Bắc Kinh, phái đoàn được

hướng dẫn tham quan hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây đang phát triển mạnh mẽ về mặt kinh tế.

Hà Nội đang tìm một mẫu mực phát triển kiểu Trung Quốc.

Việt Nam: một ưu tiên của Pháp

Để sửa soạn đi thăm ba nước Đông Dương, Việt Nam, Kampuchea và Lào, ngoại trưởng Pháp Roland Dumas đã viết một bài tham luận trong tạp chí "Revue Politique et Parlementaire" của giới nghị sĩ Pháp, xuất bản tháng 5 và 6-1991, với tựa đề: *Việt Nam một ưu tiên của nước Pháp*.

Ông Dumas mở đầu bài viết bằng những nhận định về trật tự thế giới mới và dùng đó giải thích đường lối đối ngoại của Pháp đối với Việt Nam. Ông nói nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam hiện nay đã ý thức được rằng "quá khứ vinh quang cuộc kháng chiến chống đế quốc phải nhường chỗ cho cuộc tranh đấu phát triển kinh tế", họ "đã chọn lựa rõ ràng những cải tổ kinh tế, đã biết mở ra bên ngoài và chấp nhận những qui luật kinh tế thị trường". Nhưng ông tỏ ra dè dặt và khuyên nhủ nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam nên kiên trì tiếp tục con đường tiến lên kinh tế thị trường, cộng tác với những nước láng giềng và khối Tây Phương hầu được trợ giúp về tài chính và đầu tư.

Ông nhấn mạnh đến những thành quả vẫn còn tính cách tượng trưng của Ủy Ban Hỗn Hợp Pháp Việt (Grande Commission mixte Franco-Vietnamienne) hồi tháng 2-1990, bằng sự đón nhận những sinh viên Việt Nam đầu tiên vào trường Quốc Gia Hành Chánh của Pháp (ENA) và một thực tập viên tại Quỹ Phát Triển (ONUDI). Ông nói đến những chuyển hướng của chính sách hợp tác như những nghiên cứu cơ bản phải chuyển qua những nghiên cứu thực dụng để phù hợp với những ưu tiên kinh tế.

Nội dung của chính sách hợp tác này gồm bốn phần chính: phát triển giao thương và đặt nền móng cho nền kinh tế thị trường, phổ biến ngôn ngữ và văn hóa Pháp, phát triển kinh tế và lệnh cấm vận của Mỹ, nhân quyền và chương trình hợp tác.

Ngày 21-11-1991, ngoại trưởng Roland Dumas đã lên đường chính thức viếng thăm Kampuchea, Việt Nam và Lào. Một phái đoàn gồm nhiều doanh gia Pháp tháp tùng ngoại trưởng Dumas nghiên cứu cơ hội đầu tư tại ba nước Đông Dương này.

Tiền dân chủ, hậu viện trợ

Trong kỳ hội nghị lần thứ ba của 47 quốc gia thuộc khối các nước nói tiếng Pháp vừa chấm dứt ngày 22-11-1991 tại Paris, thủ tướng Canada lại một lần nữa nhắc nhở các nước thuộc thế giới thứ ba phải dân chủ hóa nếu muốn Canada viện trợ. Cách đây hơn một tháng thủ tướng Brian Mulroney cũng đã phát biểu như trên khi có cuộc họp của các nước thuộc khối Commonwealth ở Harare (Zimbabwe).

Cũng nên biết là ba nước Đông Dương đều là thành viên của khối các nước nói tiếng Pháp và Việt Nam là ứng viên tổ chức hội nghị lần thứ 5 vào năm 1995 tại Việt Nam (lần thứ 4 được dự định tổ chức tại đảo Maurice năm 1993). Sở dĩ lần họp kỳ ba này đáng lý ra được tổ chức tại Zaire nhưng cuối cùng không thành vì lý

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC...

do an ninh và nhất là vì không có một ai trong 47 phái đoàn này muốn gặp mặt nhà độc tài Mobutu nữa. Tổng thống Mitterrand cũng hoàn toàn đồng ý với quyết định của ông Mulroney nhưng với một tác phong rất là ngoại giao ông Mitterrand không muốn "cầm thước để khẻ tay những vị lãnh tụ các nước bắt họ phải dân chủ hóa" mà chỉ mong họ sớm chọn hướng đi cho đúng là được. Không biết những người cầm quyền Việt Nam nghĩ gì khi đề nghị đúng ra tổ chức kỳ họp năm 1995?

Đảng bị tẩy chay và mắc bệnh già

Báo cáo tại Đại Hội VII cho thấy số đảng viên đảng cộng sản Việt Nam đã tăng từ 1.700.000 trước Đại Hội VI lên đến 2.100.000. Con số này làm nhiều người thắc mắc. Tại sao lại có hiện tượng số người gia nhập đảng tăng lên trong khi rõ ràng là chủ nghĩa cộng sản đang phá sản và chỗ đứng của đảng cộng sản Việt Nam đang suy sụp?

Sự nghịch lý này đang dần dần được sáng tỏ. Lý do là để có bộ mặt bánh trái, đảng cộng sản đã kết nạp bừa bãi trước Đại Hội VII. Ngày nay đảng cộng sản đang trả giá đắt cho sự khoa trương này. Các đảng viên, nhất là các đảng viên trẻ đang đua nhau bỏ đảng hàng loạt. Sự tẩy chay đảng rất trắng trợn: đảng viên hiện ngang và thẳng thắn làm đơn xin ra khỏi đảng. Trường hợp điển hình là Phường 9, Quận 11, phường này cũng không khác gì các phường khác tại Sài Gòn và có lẽ không khác gì phần còn lại của đất nước. Những số liệu do chi bộ đảng tại phường này công bố ngày 19-10-1991 thật là đầy ý nghĩa.

Trong số 15 người bị khai trừ có tới 10 đảng viên trẻ. Trong tổng số 37 trường hợp đảng viên bị xóa tên có 33 đảng viên trẻ. Trong số 33 đảng viên trẻ này, ngoại trừ 2 người bị xóa tên mà không thấy nêu lý do (chết, mất tích?) có 29 người hoặc công khai làm đơn xin nghỉ chơi đảng, hoặc thản nhiên bỏ mọi sinh hoạt.

Vậy đảng bộ còn lại những gì sau khi bị tuổi trẻ tẩy chay? Những người còn lại đa số là thiếu phẩm chất. Trong các trường hợp bị kỷ luật có 16 công an, 12 bộ đội chuyển ngành.

Một con số khác, tại đảng bộ phường Tân Định, quận Một, do bí thư chi bộ Phan Thị Bạch Tuyết công bố tại đại hội đảng bộ thành phố Sài Gòn cũng rất ý nghĩa. Bà Tuyết cho hay trong 380 đảng viên cộng sản của phường Tân Định có tới 320 đảng viên đã về hưu trí. Như vậy số đảng viên chưa về hưu chỉ có 60 người, nghĩa là chưa bằng 1/5 số đảng viên đã về hưu. Đảng viên cộng sản thường được ưu đãi cho ở lại chức vụ rất lâu, trên 65 tuổi.

Theo báo cáo của bà Tuyết, chi bộ của bà là một chi bộ khá.

Rõ ràng là đảng cộng sản đã quá già và bệnh già thường vẫn là bệnh không chữa được.

Một cách đánh giá tương lai chế độ cộng sản

Thống kê do Sở Nhà Đất Sài Gòn công bố ngày 17-10-1991 và được các báo chí trong nước đăng lại đã xác nhận một nguồn tin do bà con về thăm nhà, theo đó các cán bộ đảng và nhà nước đang bán nhà và xin đổi địa phương vì lo ngại cho tương lai mình một khi chế độ cộng sản sụp đổ.

Trong hai năm 1990 và 1991, mặc dầu vật giá đã gia tăng khoảng 150% (gần 50% năm 1990 và hơn 70% năm 1991), giá

nhà đã chỉ tăng từ 5 đến 10% vì số nhà bán ra tăng lên mạnh.

Đặc biệt là từ sau Đại Hội VII, nhà có gốc hóa giá (nghĩa là nhà do nhà nước tịch thu rồi đem bán lại cho cán bộ, công nhân viên) đã giảm từ 15 đến 20%. Lý do là vì một mặt người đang làm chủ cần bán cho nhanh trong khi người muốn mua lại ngại vì chi thích mua "nhà có bằng khoán riêng và có nguồn gốc rõ ràng" (theo cách nói của Sở Nhà Đất). Trong thâm tâm, người mua nhà hóa giá sợ rằng những nhà này bị tịch thu bất công nên trong tương lai chủ cũ sẽ có quyền đòi lại.

Một trường hợp cụ thể, tại Quận Một, một căn nhà có diện tích 85 m², có ba lầu đúc được rao giá 72 lượng vàng nhưng không có ai mua, trong khi một nhà tương tự của tư nhân có bằng khoán rõ ràng bán được dễ dàng với giá 85 lượng. Giá nhà ở Quận Một cao nhất thành phố, hơn các quận khác từ 15 đến 20%.

Các loại nhà do nhà nước mới tịch thu và phát mãi giảm giá hơn 20% và "có rất ít người mua", vẫn theo Sở Nhà Đất.

Hiện tượng nhà hóa giá và phát mãi xuống giá và ế ẩm lại đi song song với một tâm lý lạc quan của đồng bào nói chung. Đất để xây cất trong thành phố tăng 40% trong 4 tháng qua. Đặc biệt tại khu An Phú, huyện Thủ Đức, giá đất xây cất đã tăng gấp 8 lần. Một miếng đất 1.000 m² trước đây giá 5 lượng vàng nay đã lên đến 40 lượng. Các công ty xây cất tư nhân xuất hiện ngày càng đông và rất được nhiều người gọi thầu vì lối làm ăn hữu hiệu của họ.

Dân chúng Sài Gòn tỏ ra lạc quan trong khi cán bộ cộng sản lo âu.

Quốc gia đại sự!

Điều gì quan trọng đến độ cần một nghị định của Hội Đồng Bộ Trưởng và một thông tư của Ủy Ban Liên Bộ?

Nghị định của Hội Đồng Bộ Trưởng số 389/HDBT ngày 10-11-1991 và thông tư của Ủy Ban Liên Bộ số 03/TT/LB ngày 8-4-1991 (gồm bốn bộ Nội Vụ, Tài Chánh, Lao Động, Xây Dựng) cùng nói về một vấn đề: cho thuê nhà và làm công cho người ngoại quốc. Quả thật là một vấn đề trọng đại mà chỉ có nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam mới nhìn thấy tầm quan trọng. Không nước nào có những văn kiện quái gở như vậy, và ngay tại Việt Nam, óc tưởng tượng của một người bình thường cũng chỉ có thể nghĩ tới một thông cáo của một ông giám đốc nào đó.

Nhưng những văn kiện này rất xứng đáng để đọc. Người ta được biết những điều rất đặc sắc, chẳng hạn như:

- Những người ngoại quốc, hay những công ty ngoại quốc không có quyền mua nhà hay xây nhà để cho mượn;

- Muốn cho thuê một căn nhà hay muốn đi làm cho người ngoại quốc phải được giấy phép của chính quyền cấp tỉnh hay thành phố, phải có hạnh kiểm tốt, phải nộp một bản lý lịch, và nhất là phải qua trung gian của những cơ quan, xí nghiệp nhà nước chuyên trách về việc này. Những người chưa được giấy phép mà dám cho thuê nhà hay đi làm cho người ngoại quốc sẽ bị trừng trị, các công ty hay ngoại kiều thuê mượn nhà cửa hay công nhân không có giấy phép có thể bị đình chỉ hoạt động và trục xuất.

Quả thật là tự do và cởi mở. Quả thật là nhà nước muốn khuyến khích đầu tư ngoại quốc.

Nhưng không phải chỉ có thế. Khám phá động trời nhất là những người ký tên và chức vụ của họ. Người đọc phải "Ồ" lên một tiếng. Thì ra có những vị bộ trưởng đã được bổ nhiệm mà không công bố. Thông tư của Ủy Ban Liên Bộ ký ngày 8-4-1991, ông Bùi Thiện Ngộ đã ký tên là "Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ" trong khi vào lúc đó chức vụ chính thức của ông là Thứ Trưởng Nội Vụ. Như vậy là thực ra ông Bùi Thiện Ngộ đã thay thế ông Mai Chí Thọ từ trước Đại Hội VII, ông chỉ được bổ nhiệm chính thức từ ngày 27-7-1991. Trường hợp của ông Phạm Văn Trọng còn ngộ nghĩnh hơn nữa. Ông Trọng ký tên là "Bộ Trưởng Bộ Tài Chánh" trong khi từ trước và sau Đại Hội VII, bộ trưởng Tài Chánh vẫn là ông Hoàng Quý. Lý do là vì ông Phạm Văn Trọng đã được bổ nhiệm thay thế ông Hoàng Quý từ đầu năm 1991 nhưng chưa tiện công bố. Sau Đại Hội VII, không biết đảng nghĩ thế nào mà lại chỉ định ông Hoàng Quý làm bộ trưởng Tài Chánh. Rồi cuộc ông Trọng đã chỉ làm "bộ trưởng lậu" trong một thời gian. Không trách gì phong trào buôn lậu bành trướng mạnh ở trong nước.

Cũng chưa hết, vì có các bộ trưởng bất hợp pháp như vậy nên cả nghị định lẫn thông tư đều không được thông báo cho dân chúng mà được giữ bí mật. Vậy thì người dân làm sao biết để khỏi bị trừng phạt như đã qui định? Câu hỏi thực khó trả lời nhưng nhà nước đã lo lắng tất cả. Hai văn kiện này được chuyển đến các công ty ngoại quốc, khi họ muốn thuê hay muốn nhân công, họ chỉ cho người Việt Nam những thủ tục cần phải làm.

Người bạn Pháp trao tài liệu cho Thông Luận chỉ lưu ý một chi tiết nhỏ: trong thông tư của Ủy Ban Liên Bộ, bản dịch chính thức ra tiếng Pháp, dịch "thi hành đúng pháp luật" là "exécuter la loi", nghĩa là "hành quyết luật pháp". Lần này sai mà lại đúng, phải hành quyết cái luật pháp quái đản của nhà nước cộng sản Việt Nam.

Sử dụng tư bản nhà nước?

Nếu muốn đi từ một điểm khởi hành A đến một điểm B mà lại không đi theo con đường C nối liền A và B thì phải làm gì? Đảng cộng sản trả lời: phải đổi tên con đường C thành con đường Z rồi đi theo con đường Z.

Từ một nước lạc hậu chậm tiến, mục tiêu mà người cộng sản đề ra là tiến lên (?) chủ nghĩa xã hội, mà không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Họ thấy bí và phải "động não" để tìm giải pháp. Kinh nghiệm Liên Xô và Đông Âu đã cho thấy là chủ nghĩa xã hội không phải là giai đoạn sẽ tới sau chặng đường phát triển chủ nghĩa tư bản mà chỉ là con đường ngoằn ngoèo và chật vật dẫn tới chủ nghĩa tư bản, nhưng người cộng sản Việt Nam vẫn chưa chịu thua. Phát minh mới nhất được trình bày tại đại hội đảng bộ thành phố Sài Gòn là muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải đi qua chặng đường "chủ nghĩa tư bản nhà nước".

Ông Nguyễn Vinh Nghiệp, chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Sài Gòn, đã trình bày lý thuyết đó ngày 23-10-1991. Ông Nghiệp nói tư bản nhà nước là con đường mà "Lê Nin đã từng dạy ta như thế". Theo ông Nghiệp, tư bản nhà nước gồm "xí nghiệp công ty cổ phần, xí nghiệp công ty quốc doanh hoặc liên doanh..." nghĩa là những thành tố của một chế độ tư bản bình thường.

Ông Nghiệp tiết lộ là ông đã "tình cờ phát hiện" ngay trong thành phố mà ông chỉ là chủ tịch nhiều "đồng chí giám đốc, tổng giám đốc" đã tự tiện hùn vốn với tư nhân lập công ty với "một số

người thân quen" rồi được hưởng lợi 100% mỗi năm ("vốn một cây vàng làm lãi ra một cây vàng"). Ông Nghiệp coi đây là một sáng kiến đáng khuyến khích. Trên thực tế đây chỉ là một cách lợi dụng quyền thế để làm giàu.

Nhà ở tại Sài Gòn

Báo Tuổi Trẻ ngày 29-10-1991 cho biết, theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, Sài Gòn có hơn 43.000 căn nhà lụp xụp, không bảo đảm các điều kiện vệ sinh tối thiểu, trong đó có 18.000 căn cất trên kinh rạch bị ô nhiễm nặng. Những con số này có xu hướng tăng lên. Ngoài ra, còn có hàng ngàn gia đình, cặp vợ chồng trẻ chưa có nơi ở riêng, hơn 2.000 gia đình sống lang thang ở các vỉa hè. Cũng theo báo Tuổi Trẻ, Sài Gòn có gần nửa triệu công nhân lao động rất khó khăn về nhà ở, trong đó chỉ có khoảng 30% cán bộ, công nhân viên được nhà nước cấp, số còn lại phải tự xoay sở lấy. Một số cán bộ có chức quyền và người giỏi đút lót có "người được cấp nhiều nhà, thậm chí lại là nhà lớn. Có người được ở nhà tốt, khi nhà nước cần lấy lại để làm nơi làm việc thì đòi bù lỗ vài trăm triệu đồng. Một số người khác đòi hỏi phải có nhà ở mặt tiền, trong khi hàng vạn con người sống chen chúc nhau trên vài mét vuông".

Thực trạng nhà ở một vài nơi rất là thương tâm. Ông Diệp Minh Tài ở đường Lò Siêu, quận 11, gia đình gồm 22 người sống chen chúc trong một căn nhà ván ọp ẹp kiểu... chuồng gà (đóng bằng ván và bao ny-lông đủ loại). Anh Lê Hoàng Tuấn, thương binh, ở đường Tuy Lý Vương, phường 12, quận 8, nhà có 19 người sống chen chúc trên một diện tích 28,2m², phải chia nhau ra ngủ ngoài hiên và hàng ba nhà người khác. Người mẹ nói "không dám cưới vợ cho Tuấn vì chỗ đâu mà ở?". Một thương binh khác, anh Đinh Tiến Hùng, ở Tân Bình, đã cùng với cha mẹ, vợ con và anh em ở chung một căn nhà trũng thấp, ngập nước. Hùng cho biết giang sơn của cả gia đình anh là một cái giường và anh đã sáu lần làm đơn xin cấp nhà.

Năm 1989, UNIDO, một cơ quan quốc tế trực thuộc Liên Hiệp Quốc đã tài trợ cho Việt Nam nghiên cứu một phương án giải tỏa các khu nhà ở chuột trên kinh rạch Sài Gòn. Phương án đã làm xong, được in ra và... để đó. Nhiều người vẫn tiếp tục sống trong những căn nhà xiêu vẹo, thiếu tiện nghi và mất vệ sinh.

Diện tích nhà ở trung bình tại Sài Gòn là 4 m²/người, nhà ở chuột 1,5 m²/người.

Cơm, áo, gạo, tiền...

Trên báo Tuổi Trẻ ngày 15-10-1991, một độc giả, bà Thảo Nhu, cho hay từ ngày có lụt ở Miền Tây những người nghèo như gia đình bà lo "cầm canh" vì giá gạo. Lo cầm canh có nghĩa là lo đến mất ngủ.

Bà Thảo Nhu cho hay gia đình bà thường xuyên mua gạo giá thấp. Tháng 8, tháng 9 giá gạo loại này là 2.000 hay 2.100 đồng một ký. Đầu tháng 10, gạo này đã lên 2.300 đồng/kg. Bà Thảo Nhu nhắc lại lời một phụ nữ hàng xóm "giá gạo lên nhanh hơn cả mức nước lũ". Thật vậy chỉ trong thời gian không đầy hai tháng giá gạo đã tăng 25%.

Tuy nhiên nếu đọc không kỹ những bản tin của Ban Vật Giá, người ta rất dễ có cảm tưởng là gạo không tăng bao nhiêu. Ban

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC...

Vật Giá không bóp méo sự thật, nhưng trình bày sự thật một cách rất khéo để che đậy mức giá tăng, trừ ra khi người ta đọc kỹ từ chữ một.

Gạo có nhiều loại: gạo xấu, gạo tẻ, gạo trắng thường, gạo trắng thơm, gạo thượng hạng v.v... và giá chênh lệch nhau khá xa cho nên chỉ cần mỗi ngày cho giá một loại gạo khác nhau đủ làm người đọc hết phương tiện so sánh. Thí dụ, tuần trước cho giá gạo trắng thường là 2.800 đồng/kg, tuần sau cho giá gạo tẻ 2.500 đồng/kg thì khó mà biết được là giá gạo tẻ thực ra đã lên giá 10%. Dầu sao nếu đọc kỹ giá cả từng loại gạo, người ta cũng sẽ nhận thấy là gạo đã tăng khoảng 25% trong hai tháng qua đúng như lời bà Thảo Nhu.

"... luật pháp trở thành quá yếu, không một ai "làm ầu" mà còn e ngại bị trừng phạt thích đáng theo luật (...), ép giá thu mua sản phẩm trong nước, suy tôn ngoại tệ (...), giới kinh doanh nội địa ngao ngán, giá cả tăng lên hàng ngày (...). Tất cả hướng về sự quyết tâm của nhà nước, trí tuệ của những người đã từng "vang bóng một thời" trong quá khứ".

Ai dám viết những lời lẽ mỉa mai như vậy đối với chế độ? Đó là báo Công An Thành Phố Hồ Chí Minh, số ra ngày 23-10-1991.

Giá cả lại lên cơn sốt

"Chưa bao giờ giá vàng và đô-la biến động mạnh như tuần qua". Đó là nhận định của báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 28-10-1991.

Vàng nhẫn (96%) đã lên đến 556.000 đồng một chỉ. Vàng 4 số 9 (99,99%) đã lên đến 584.000 đồng/chỉ. Đô-la Mỹ vượt quá mức 13.000 đồng/1USD. Trong vòng một tuần lễ, từ 20 đến 27-10-1991, giá vàng và đô-la đã tăng 6% tại Sài Gòn. Tại các nơi khác giá vàng còn tăng mạnh hơn nên đã có hiện tượng vàng bị hút ra khỏi Sài Gòn. Theo Ban Vật Giá, nhà nước cố cầm giữ giá vàng bằng cách bán vàng ra, nhưng số vàng còn tồn trữ quá ít nên đã không ngăn chặn được đà gia tăng.

Gạo, cám, đường, sữa, bột ngọt, bột giặt đã tăng. Cám nuôi heo đã lên đến 1.000 đồng/kg (tăng 8%). Xăng dầu cũng lên giá từ 5 đến 12% tùy loại trong một tuần lễ, xăng pha nhớt đã lên đến 3.000 đồng/lít.

Riêng thị trường vật liệu đã lên cơn sốt một cách đáng chú ý, mặc dầu đang giữa mùa mưa. Trong tháng 10, cát đã tăng 25% (từ 8.000 đồng lên đến 10.000 đồng/m³). Sắt tăng 60% (từ 3.000 lên 4.800 đồng/kg) Gạch tăng 40% (từ 420 đồng lên đến 600 đồng/viên). Riêng gạch bốn lỗ tăng trên 400% (từ 127 đồng lên đến 600 đồng/viên).

Việc tăng giá vật liệu xây cất chứng tỏ một tâm lý lạc quan của dân chúng, giữa lúc đảng và nhà nước rất bi quan. Giải pháp Kampuchea làm nhiều người tin là sắp có thay đổi chế độ tại Việt Nam.

Điện thoại từ Sài Gòn sang cho hay ngày 6-11-1991, giá một đô-la Mỹ đã vượt quá mức 14.000 đồng.

Còn đô-la đâu mà cấm?

Ngày 13-11-1991 nhà nước Việt Nam ra chỉ thị tạm ngưng nhập khẩu hàng hóa cho tới cuối năm ngoại trừ dầu hỏa, phân bón và những nguyên liệu cần thiết cho công nghiệp vì hết ngoại tệ.

Tại sao nhà nước bây giờ mới cấm nhập khẩu? Từ nhiều tháng qua mọi người đều rõ là mức dự trữ vàng và ngoại tệ của Việt Nam không còn là bao nhiêu, chỉ đủ cho hai ngày nhập khẩu.

Tuy nhiên hàng ngoại quốc vẫn được bày bán đầy rẫy do những tổ chức buôn lậu mang vào nhờ có trong tay hàng trăm triệu đô-la, hàng chục tấn vàng và được nhiều cơ quan nhà nước che chở.

Khi không còn ngoại tệ thì có chỉ thị hay không có chỉ thị cũng không ngăn cản nổi dân chúng thích mua hàng ngoại. Chỉ thị cấm nhập khẩu chỉ có tác dụng làm vàng và đô-la tăng giá và nạn bán buôn giấy phép lại có cơ bành trướng mạnh.

Can thiệp cho các tù nhân lương tâm

Sau buổi họp ngày 6-10 vừa qua tại Paris (xem Thông Luận số 43, tháng 11-91), ban tổ chức đã được đa số người hiện diện hôm ấy ủy nhiệm thành lập một phái đoàn đến gặp ông Roland Dumas, ngoại trưởng Pháp, để nhờ chính phủ Pháp can thiệp với chính phủ Việt Nam trả tự do cho những người Việt Nam bị cầm tù vì chính kiến như Nguyễn Đan Quế, Dương Thu Hương, Đoàn Quốc Sĩ, Nguyễn Chí Thiện, Tô Thùy Yên, Tuệ Sĩ, Trí Siêu, Chân Tín,... và tất cả những tù cải tạo vì đã phục vụ Việt Nam Cộng Hòa trước đây.

Sau một thời gian vận động, hơn 380 người Việt, Pháp tại Pháp và các quốc gia khác đã đồng ký vào một bức thư gửi tới ngoại trưởng Pháp trước khi ông này đi Việt Nam. Một phái đoàn đã đến gặp và trao thư cho người đại diện của bộ Ngoại Giao ngày 18-11-91. Ban tổ chức trong những ngày sắp tới sẽ gặp lại người đại diện này để biết kết quả sau khi ngoại trưởng Pháp kết thúc cuộc công du tại ba nước Kampuchea, Lào và Việt Nam. Ban tổ chức cũng sẽ tiếp tục làm các công tác đã được giao phó ngày 6-10-91.

Được biết, trước ngày lên đường của phái đoàn Pháp do ngoại trưởng Roland Dumas cầm đầu, chính quyền Hà Nội đã trả tự do cho hai nhà văn Đoàn Quốc Sỹ và Dương Thu Hương. Một nguồn tin từ Ấn Xá Quốc Tế cho biết nhà thơ Nguyễn Chí Thiện cũng đã được thả (chúng tôi loan tin này với tất cả dè dặt). Ngoài ra, cũng có tin bác sĩ Nguyễn Đan Quế sẽ bị đem ra xét xử trong những ngày sắp tới.

Để tránh mọi hiểu lầm

Bản nguyệt san Quốc Dân xuất bản tại Houston, Hoa Kỳ, trong số ra mắt đã ghi tên bốn thành viên Thông Luận vào Ban Biên Tập. Sự kiện này có lẽ xuất phát từ hảo ý của những người chủ trương muốn đăng những bài của Thông Luận nên mặc dù không được hỏi ý kiến, những người được ghi tên vào Ban Biên Tập không coi sự kiện trên là trầm trọng.

Điều đáng tiếc là trên cùng số báo đó đã có những bài đả kích một số nhân vật lãnh đạo Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ Việt Nam, đặc biệt là ông Nguyễn Văn Kim.

Thông Luận hoan nghênh tranh luận ý kiến nhưng không thể chấp nhận việc bài xích những người và những tổ chức tranh đấu, và lại càng bất bình khi những bài xích đó không dựa trên một căn bản vững chắc nào cả như trong trường hợp đáng tiếc này.

Độc giả viết

Coi chừng bị lợi dụng

Tôi xin được nói đôi lời cảm nhận khi đọc xong bài "Thay đổi chính trị ở Việt Nam" của tác giả Nguyễn Hữu Chung. Tôi không phân tích mà cũng chẳng luận về bài này, chỉ xin nói cái ý của mình. Xã hội Việt Nam hiện thời ai cũng rõ trên thì bất nhân, bất tín, bất minh, dưới thời loạn, xã hội rối ren. Với những kẻ bất nhân, bất tín, bất minh đó liệu có bao giờ họ tự thay đổi mà cùng các thành phần dân chủ tạo dựng lên một xã hội Việt Nam lành mạnh? Tự xét, nếu họ thực sự vì dân vì nước thì không cần lực lượng dân chủ hải ngoại phải đấu tranh, họ cũng tự điều chỉnh ở mình để đưa được dân tộc lên phú cường vậy. Đó chỉ có là mơ. Mặt khác tôi thấy cần ngay bây giờ là các lực lượng dân chủ phải tìm ra được một mô thức xã hội chính trị phù hợp với hoàn cảnh xã hội Việt Nam hiện thời, có rồi thì phải đưa được nó vào thực tế ở quốc nội, tạo dựng ngay trong nước, sự đáp ứng của quần chúng chính là giá trị thực của mô thức vậy. Trong quá trình đấu tranh này, những nhân tài phù hợp với ý nguyện của quần chúng sẽ được chọn lọc tự nhiên. Từ đó mà xuất hiện một lực lượng dân chủ chính danh, tạo ra được một cuộc cách mạng thay đổi chính trị ở Việt Nam trên tinh thần "hoà hợp, hòa giải" mà không lo hỗn loạn.

Tôi nghĩ các anh chị vì quá thương xót cho dân tộc Việt, lại ít nhiều xa rời thực tế, nếu không cẩn thận thì hóa ra lòng tốt bị lợi dụng ư? Cái đó chắc không ai muốn. Kẻ hậu sinh chỉ dám bực bạch đôi lời kính mong các anh chị suy xét.

Trần Tuấn Đạt (Melle, Đức)

Để đọc

Sau cuộc "cách mạng nhung" xảy ra tại Tiệp Khắc, chúng tôi, những lao động Việt Nam tại Tiệp Khắc được tiếp xúc nhiều với báo chí của người Việt Nam tại hải ngoại.

Trong thời gian đầu, do tiếp xúc, đọc các tập san của người Việt Nam tại hải ngoại mang nặng tính chất cục đoan, hằn học, nên tôi cũng như các bạn bè của tôi cảm thấy rất "khó đọc" những tờ báo tập san đó. Song gần đây được đọc một số tờ báo có quan điểm gần gũi với quan điểm của mình trong cách nhìn nhận, đánh giá về những biến cố lịch sử đã xảy ra ở Việt Nam cũng như trong việc xây dựng một nước Việt Nam mới, dân chủ, đa nguyên, trong tinh thần hòa hợp, hòa giải dân tộc, bằng con đường bất bạo động. [...]

Đọc tờ Thông Luận, tôi thấy quan điểm của báo rất phù hợp với quan điểm của mình. Và qua các bài báo trên Thông Luận, tôi tin tưởng ở động cơ trong sáng của tờ báo cũng như ý thức xây dựng của báo đối với vận mệnh của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Một đất nước, dân tộc đã chịu nhiều đau khổ và hiện nay vẫn còn phải đang chịu đựng những khổ đau.

Tôi rất mong được thường xuyên nhận được báo của các bạn để có thể mở rộng hiểu biết của mình. Để qua đó tìm ra được cho mình một cách đóng góp vào phong trào đấu tranh chung của dân tộc cho một nước Việt Nam mới. Một nước Việt Nam dân chủ, đa nguyên.

Xin chân thành chúc ban biên tập mạnh khỏe và xin gửi đến ban biên tập lời chào kính trọng.

Nguyễn Mạnh Trung (Bohumin, Tiệp Khắc)

Giành tự do cho Việt Nam

Còn ai nói rằng chế độ Việt Nam do đảng cộng sản lãnh đạo là tốt, dẫn dắt dân tộc Việt tiến lên thiên đàng của hạnh phúc, no ấm, văn minh. Từ người ngu nhất, nghèo nhất, người giàu nhất, hèn nhất, đến người có quyền trong xã hội, cả lão diên lãnh tụ đảng, tất cả đều trả lời là không tốt, không được, thiếu sót, sai lầm, phải dẹp chế độ đó đi... Nhưng câu trả lời đó chỉ nằm trong đầu, chôn dấu, áp úng, nghẹn ngào, hay người ta nói bằng nước mắt, bằng ánh mắt đau khổ, buồn tủi hay hận thù... Như vậy chỉ là vô nghĩa lý, có thể dẫn đến thói quen đáng sợ, thành người câm điếc, người buồn, người diên, trở thành một dân tộc câm điếc, hèn hạ, lạc hậu.

Bốn mươi sáu năm miền Bắc, mười sáu năm miền Nam với chế độ đó kéo dài đến bao lâu nữa, hay sẽ là mãi mãi... Nếu dân tộc Việt cam chịu, sợ bạo lực, sợ hy sinh, thì các tổ chức đảng phái đấu tranh cho tự do, nhân quyền và dân chủ cho Việt Nam trong và ngoài nước sẽ không bao giờ thành công, người Việt trong nước sẽ không bao giờ có tự do làm người.

[...] Sơ qua những nhận xét về các tổ chức đấu tranh tại hải ngoại và trong nước, đa số hay phạm những lỗi lầm có tính truyền thống: nghi ngờ, tự ái, bảo thủ, xem nhẹ ý kiến của kẻ khác, hay còn đánh giá dựa trên căn bản bằng cấp, học thức, giữ bí mật trong công tác tuyên truyền, kêu gọi, giữ bí mật không cho kẻ khác biết mình trong tổ chức này nọ... Qua những lỗi lầm ấy, các tổ chức chống cộng sản đã dẫn đến sự chậm phát triển về chất lượng, số lượng, tinh đoàn kết, có lúc tự tan rã hoặc là dậm chân tại chỗ.

Đã đến thời điểm này, đảng cộng sản Việt Nam chỉ còn là đảng ăn cướp không hơn không kém, dân tình hỗn loạn, xã hội không có luật lệ, lễ phải trong tay người có tiền, người có vũ khí và người gan lì. Chỉ tội cho đám dân lương thiện bị đảng cộng sản Việt Nam bóc lột [...]

Xin ngỏ lời cùng các tổ chức đảng phái đấu tranh giành tự do, nhân quyền và dân chủ cho Việt Nam, hãy dồn nhiều trọng lực về công tác tuyên truyền đến đồng bào trong nước, không phân biệt giai cấp, cả đảng viên cộng sản. [...] Nếu có được nhiều người dân dám làm dám nói, thì chúng ta mới dám nói một cách chắc chắn: ngày tàn của cộng sản tại Việt Nam đã đến.

Nhân dân Đông Đức chiến thắng cộng sản vì biết suy nghĩ, biết đoàn kết. Nhân dân Việt Nam chiến thắng cộng sản vì có sự can đảm và có chiến lược của tập hợp tinh nhuệ mang truyền thống oai hùng bất khuất nghìn năm văn hiến. [...]

Sóng Gầm (Đông Đức)

Họp Thân hữu Thông Luận

Kính mời quý độc giả và thân hữu tham dự buổi họp ngày chủ nhật 15-12-91, từ 14 giờ đến 18 giờ tại 270, rue Saint Jacques, Paris 5^e (Métro Luxembourg)

Đề tài thảo luận:

1. Chuẩn bị phối hợp đấu tranh giữa trong và ngoài nước do Nguyễn Gia Kiểng dẫn nhập
2. Lược sử phong trào Đệ Tứ Quốc Tế do một đồng chí của Tạ Thu Thâu dẫn nhập

Sở Tay

Bài hát giống chúng ta

Không biết từ ngày nào, năm nào, tôi không còn tự hào về đất nước. Dần dà, ngày một ngày hai, tôi lại không còn tự hào về dân tộc tôi - tuy vẫn biết như vậy là bất công, phi lý, sai quấy. Không biết từ ngày nào, tháng nào, tôi không còn tự hào về bạn bè tôi, xếp thành hai hàng vênh vác và lơ lảo, trần tráo và ngơ ngáo, đơng đưa giữa nhỏ nhen và hèn nhát. Chiều chủ nhật buồn. Một điệu nhạc cũ. Câu thơ vợ vẫn: *Còn đâu những vết chân trên cát... mà sóng thời gian đã xóa nhòa...* theo tiếng hát trầm buồn của Yves Montand vọng từ thế giới đã bên kia: *Et la mer efface sur le sable... les pas des amants désunis...* Từ xa hơn nữa, âm hao vổ về trong giọng Simone Signoret vọng lại: *La nostalgie n'est plus ce qu'elle était... Rồi u hoài e cũng nhạt màu xưa...* Từ bàn viết của tôi nhìn ra là dòng sông và một công viên; lá platane vàng óng và trong suốt trong nắng thủy tinh. Nhớ bài tựa *Nhật Lá Bàng* của Nhất Linh trong *Đôi Bạn*, và những nẻo đường mùa thu, trong *Đất Nước* của Nguyễn Đình Thi: *Người ra đi đâu không ngoảnh lại... Hai bên thêm nắng lá rơi đầy*. Lặng nghe trong lòng mình những giấc mơ xưa, vàng bay lá tả. *Les feuilles mortes se ramassent à la pelle...*

Cái chết và đám tang của Yves Montand làm tôi buồn buồn. Buồn vì mất một tài tử mà mình mến mộ, và buồn hơn nữa khi nghĩ đến tình trạng đất nước và trình độ của cộng đồng người Việt nước ngoài.

Yves Montand là một tài tử có tài, nhưng không xuất chúng. Dăm bảy năm gần đây, ông chen chân vào sinh hoạt chính trị, bộc trực, ồn ào nhưng không lấy gì làm sâu sắc; một vài thái độ cực đoan và ngây thơ, những tham vọng chính trị lẫn thẩn khiến dư luận mỉm cười. Nói chung, chưa phải là một nhân vật siêu đẳng về tài đức, quá khứ lại "có vấn đề". Ấy thế mà dư luận Pháp, qua báo chí, truyền thanh và truyền hình, đã dành cho Yves Montand một cuộc tiễn đưa long trọng, trang nghiêm và cảm động như với Edith Piaf, Simone Signoret trước kia. Vì dư luận Pháp trân trọng nghệ thuật và đạo lý, qua sự bộc trực của Montand. Nước Pháp là một nước văn hóa, người Pháp có văn hóa. Thế còn chúng ta? Chúng ta có được một Phạm Duy, một Trịnh Công Sơn, thì bên này, bên kia đều đòi mang ra bán bỏ. Gần đây, khi nhạc sĩ Hoài Bắc vĩnh viễn về với *Hội Trùng Dương*, chúng ta đã bao nhiêu người dành cho *Nửa Hồn Thương Đau* một phút giây chiêm niệm? Tôi nói: không còn tự hào về dân tộc là vì vậy - và không những vì vậy.

*

Cuộc đời Yves Montand là *bài hát giống chúng ta... cette chanson qui nous ressemble...* Xuất thân từ một gia đình gốc Ý nghèo khổ, theo bố mẹ di cư sang Pháp từ thuở lên 2. Thất học từ hồi lên 11 tuổi. Thân sinh, thợ làm chổi và bán chổi, vì chống phát-xít, bị đàn áp phải tị nạn, muốn tha hương sang Mỹ cầu thực nhưng phải dừng lại tại Marseille; ông cụ cùng người con trưởng là đảng viên cộng sản trung kiên. Cậu bé Yves, 11 tuổi đã phải cật lực lao động trong hãng thực phẩm, rồi làm thợ uốn tóc, thi

CAP, làm thợ cơ khí, làm phu khuôn vác. Tự nhiên là Yves Montand liên đới với giới lao động thợ thuyền và khát vọng bình đẳng của người vô sản, nhưng không cuồng tín như cha, anh; hồ hững với chính trị, Yves Montand không đóng góp gì cho kháng chiến chống Đức. Bắt đầu nổi tiếng sau chiến tranh, ông gặp rồi đan díu với Edith Piaf trong hai năm: nàng khuyến chàng tới luyện tài nghệ và cá tính, bỏ lối hát để dãi và thời thượng kiểu Mỹ, và học hỏi thêm, bồi dưỡng văn hóa. Đây cũng là thời kỳ ông đi gần, đi sát với đảng cộng sản Pháp, tuyệt đối phục tùng khuôn mẫu Liên Xô. Năm 1949, gặp Simone Signoret, cô tiểu tư sản Neuilly, người vợ tao kang đã xây dựng sự nghiệp cho Montand, giúp ông trở thành một trí thức vững chãi, ý thức được trách nhiệm của mình trong xã hội và lịch sử. 1956, khi chiến xa Liên Xô đàn áp Hung Gia Lợi, Montand bắt đầu hoài nghi về chủ nghĩa cộng sản nhưng vẫn nhận lời mời thăm viếng Liên Xô - Sartre, Gérard Philippe, Claude Roy cũng vậy: *"Đi là bảo lãnh cho đồ đệ Stalin, không đi là bảo lãnh cho phe phản động"* - Sartre bảo thế. Nhưng cũng từ chuyến đi đó, Montand bắt đầu chống đối, càng ngày càng dữ dội các chế độ độc tài, qua thái độ chính trị, đã đành, mà còn qua tác phẩm, đặc biệt ba phim: *Z* lên án đám quân phiệt Hy Lạp, *L'Aveu* tố giác những bạo hành tại Liên Xô và Tiệp Khắc, *Etat de Siègel* lên án quân phiệt Argentin. Từ 1984, Montand trực tiếp lao vào chính trị trên những chương trình truyền hình *Vive la Crise* hay *Dossiers de l'Ecran*, tuyên bố linh tinh nhưng cũng được khán giả ủng hộ vì ngôn ngữ "nói thẳng, nói thật" của kẻ không làm chính trị chuyên nghiệp. Từ đó, có tin đồn Montand tranh cử tổng thống. Và dư luận cũng khoan dung cho những ba hoa, những thơ bạo của người nghệ sĩ nóng nảy, nhất là khi Simone Signoret, trầm tĩnh và sâu sắc hơn, không còn nữa để kèm chế.

Bây giờ, khi Montand đã vĩnh viễn ra đi, ít ai còn nhắc đến con người cộng sản hay thân cộng cuồng tín đã trở nên chống cộng thơ bạo. Bạo lực của một chế độ, hay một thái độ, đều bay đi nhanh chóng. Người độ lượng sẽ ghi lại những đóng góp của Montand vào cuộc tranh đấu cho bình đẳng xã hội trước 1956 và cho tự do dân chủ sau đó. Nhưng kỷ niệm sâu sắc nhất Montand để lại vẫn là những cuốn phim, những bài hát, những ngọn bút lông bay bổng về trời - *le porte-plume redevient oiseau*.

Một vài tri kỷ, như Jean Daniel trên *Nouvel Observateur*, giữ lại ở Yves Montand kỷ niệm độ lượng và dịu dàng của những mối chung tình tuyệt vọng - *les fidélités désespérées*. Chuyện người, và chuyện chúng ta. Chuyện bây giờ. Chuyện trăm năm. Trong cõi người - ta.

Đặng Tiến

13-11-1991

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 130 FF hoặc tương đương
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương
(nếu được, xin dùng personal check)

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE (xin dùng đề Thông Luận)